UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

TAPLAST
ISO 9001 2000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303640880 (số cũ 4103003066) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 12 năm 2009)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận chào bán số 623/UBCK-GCN do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 8 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Trụ sở chính: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Điện thoại: (84 8 3) 860.9003 Fax: (84 8 3) 860.7622

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84 8 3) 914.3588 Fax: (84 8 3) 914.3209

Chi nhánh Hà Nội: 18 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 4) 6 262 6999

Fax: (84 4) 6 278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:. Thượng Thị Ngọc Tuyết ***Số điện thoại:*** (84 8 3) 860.9003

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303640880 (số cũ 4103003066) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 15 tháng 12 năm 2009)

CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**
Mệnh giá:	10.000 đồng
Giá bán:	10.000 đồng / 1 Cp (Mười ngàn đồng một cổ phần) .
Tổng số lượng chào bán:	1.500.000 cổ phần
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	15.000.000.000 (Mười lăm tỷ đồng)
Trong đó:	
Cổ đông hiện hữu:	1.500.000 cổ phần
Tỷ lệ cho cổ đông hiện hữu:	10:6

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH BDO Việt Nam

Trụ sở chính:	Tòa nhà Indochina Park Tower, Số 4 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Tầng 2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.		
Điện thoại:	(848) 22200237	Fax:	(848) 22200265

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính:	67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM		
Điện thoại:	(84 8 3) 914.3588	Fax:	(84 8 3) 914.3209
Chi nhánh Hà Nội:	18 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội		
Điện thoại:	(84 4) 6 262 6999		
Fax:	(84 4) 6 278 2688		

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 5

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ: 5
2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP 7
3. RỦI RO ĐẶC THÙ 7
4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN 8
5. RỦI RO CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 8
6. RỦI RO PHA LOÃNG GIÁ CỔ PHIẾU 9
7. RỦI RO KHÁC 9

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 10

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 10
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN 10

III. CÁC KHÁI NIỆM 11

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 12

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 12
1.1 Lịch Sử Hình Thành: 12
1.2 Giới Thiệu Về Công Ty: 13
1.3 Các Lĩnh Vực Hoạt Động Của Công Ty: 14
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY 14
3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY 16
4. DANH SÁCH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY 19
4.1 Danh Sách Cổ Đông Nắm Giữ Trên 5% (Thời Điểm 18/03/2010): 19
4.2 Cơ Cấu Cổ Đông Công Ty (Thời Điểm 18/3/2009): 19
5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TAPLAST, NHỮNG CÔNG TY MÀ TAPLAST ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TAPLAST 20
5.1 Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Taplast: 20
5.2 Danh sách những Công ty mà Taplast nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: 20
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 20
6.1 Sản Lượng Sản Phẩm: 20
6.2 Cơ Cấu Doanh Thu & Lợi Nhuận 24
6.3 Nguyên Vật Liệu: 26
6.4 Chi Phí Sản Xuất: 29
6.5 Trình Độ Công Nghệ: 30
6.6 Tình Hình Nghiên Cứu và Phát Triển Sản Phẩm Mới: 35
6.7 Tình Hình Kiểm Tra Chất Lượng Sản Phẩm: 36
6.8 Hoạt Động Marketing: 36
6.10 Các Hợp Đồng Lớn Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết: 38
7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT VÀ QÚY 1 NĂM 2010 39
7.1 Kết Quả Hoạt Đông Kinh Doanh; 39
7.2 Những Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động SXKD của Công ty: 40
8. VỊ THẾ CÔNG TY SO VỚI MỘT SỐ DOANH NGHIỆP KHÁC CÙNG NGÀNH 41
8.1 Tổng Quan Ngành Nhựa: 41
8.2 Vị Thế Của Công ty Trong Ngành: 45
Chiến Lược Thực Hiện Năm 2010-2011: 46
9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG 48
9.1 Chính Sách Đào Tạo: 48
9.2 Chính Sách Tiền lương: 48
9.3 Chính Sách Tiền Thưởng: 48
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 49
11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 49
11.1 Các Chỉ Tiêu Cơ Bản: 49
11.2 Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu: 55

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG 57
12.1 Hội Đồng Quản Trị: *57*
12.2 Ban Kiểm Soát: *62*
12.3 Ban Giám Đốc: *65*
12.4 Kế Toán Trưởng: *65*
13. TÀI SẢN 66
14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 2010 - 2011 67
14.1 Phân Tích Điểm Mạnh, Điểm Yếu, Cơ Hội và Nguy Cơ (phân tích SWOT) *67*
14.2 Chỉ Tiêu Kế Hoạch: *69*
14.3 Kế Hoạch Chiến Lược Thực Hiện Năm 2010-2011: *69*
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 71
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 72
17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 72

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN **73**

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN **76**

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN **80**

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN **81**

8.1 TỔ CHỨC CHÀO BÁN – CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ 81
8.2 TỔ CHỨC KIỂM TOÁN – CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM 81
8.3 TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT 81

9 PHỤ LỤC **82**

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ:

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tuy có sụt giảm trong năm 2008 và 2009 nhưng so với bối cảnh nền kinh tế toàn cầu suy thoái thì các chỉ số này cũng phản ảnh được sự vươn lên của kinh tế Việt Nam trong thời kì khủng hoảng. Theo nhận định của các chuyên gia phân tích kinh tế thì Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng kinh tế và duy trì ở mức cao trong những năm tới. Điều đó hoàn toàn khả thi khi Chính phủ Việt Nam đặt ra mục tiêu tăng trưởng 6-7% trong năm nay, kết hợp với việc kiểm soát lạm phát thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ không để lạm phát cao ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế .

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM

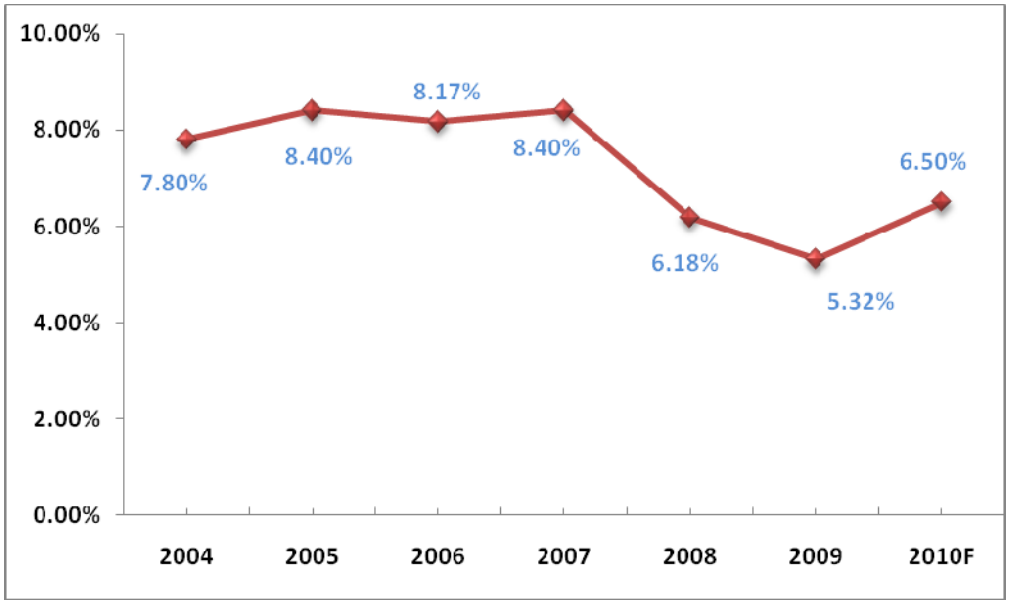

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Sự phát triển của nền kinh tế gắn liền với sự phát triển của các ngành công nghiệp, trong đó có ngành nhựa. Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế sẽ tác động tích cực đến sức tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty ngày càng phát triển.

Khủng hoảng kinh tế thế giới

Trong bối cảnh kinh tế trì trệ của thế giới khởi nguồn từ biến động bất động sản và cho vay thế chấp tại Mỹ, Châu Âu cộng với suy thoái kinh tế trên toàn cầu dẫn đến sự biến động mạnh trong quá trình tăng trưởng và phát triển của thế giới. Trước tình hình trên, là một nền kinh tế tương đối nhỏ và mở cửa (xuất và nhập khẩu bằng 150% GDP), Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng của sự giảm tốc kinh tế thế giới. Cụ thể hơn, khủng hoảng kinh tế sẽ tác động trực tiếp đến khả năng huy động vốn, khả năng xuất khẩu thành phẩm và nhập khẩu nguyên vật liệu (hạt nhựa) của các Công ty trong ngành nhựa.

... và tình trạng lạm phát trong nước

Giá của hai nhóm hàng lương thực-thực phẩm và dầu thế giới, những sản phẩm ngoại thương chủ đạo của Việt Nam và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu CPI, đã tăng cao trong năm 2007 đến giữa năm 2008 đã khơi mào cho tình trạng lạm phát hai con số bắt đầu từ năm 1998 cho đến nay. Tuy nhiên trước tình hình khó khăn chung trong năm 2009 chính phủ đã đưa ra những chính sách kiềm chế lạm phát và giữ mức lạm phát ở mức dưới 2 con số là 6,88% cho năm 2009 và dự kiến trong năm 2010 là 10% theo đánh giá của ADB.

LẠM PHÁT TỪ NĂM 1998 ĐẾN 2009

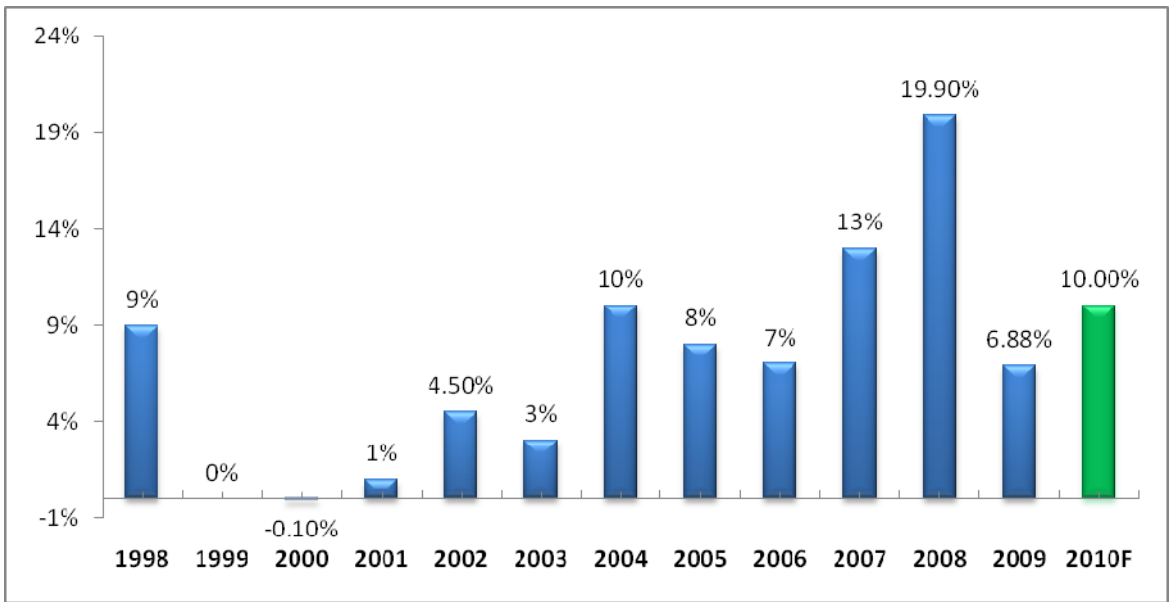

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Đồng thời, Trong năm 2009 và những tháng đầu năm 2010 Chính phủ đã có những chính sách kích cầu tăng lượng cung tiền và nền kinh tế tạo động lực cho nền kinh tế tăng trưởng cao..

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của Công ty được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng chịu tác động của các chính sách và chiến lược phát triển của ngành. Những điều chỉnh của luật và văn bản dưới luật trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý sẽ tạo ra những tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

Phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu

Công ty hoạt động trong ngành nhựa nên nguyên liệu nhựa đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay, Việt Nam phải nhập khẩu hầu hết nguyên vật liệu dùng cho sản xuất sản phẩm nhựa, mỗi năm ngành nhựa cần khoảng 1,5 triệu tấn nguyên phụ liệu, trong khi sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 300.000 tấn Vì vậy, những biến động về nguồn nguyên liệu nhựa như giá cả, nguồn cung cấp cũng như sự ổn định của nền kinh tế các nước xuất khẩu nhựa nguyên liệu... có tác động đáng kể đến hoạt động của ngành nhựa nói chung và của Công ty nói riêng.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã sử dụng hàng loạt các biện pháp để tránh bị ảnh hưởng bởi sự tăng giá nguyên vật liệu như:

- Thành lập bộ phận nghiên cứu đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu
- Tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới từ trong nước và nước ngoài
- Giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất...

Trước mắt các biện pháp này chỉ có thể hạn chế được một phần rủi ro liên quan đến biến động giá nguyên vật liệu.

Rủi ro về tỷ giá

Do phần lớn nguyên liệu và máy móc nhập khẩu phải thanh toán bằng ngoại tệ, trong khi nguồn thu của Công ty từ sản phẩm tiêu thụ chủ yếu là đồng nội tệ nên rủi ro tiềm ẩn về tỷ giá hoàn toàn có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của Công ty.

4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

Trường hợp số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành và Công ty không thu được số tiền như đã dự kiến sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty không thực hiện bảo lãnh cho đợt phát hành này - đây được xem là một trong những rủi ro của đợt chào bán. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro này, Công ty đã tính toán trên cơ sở thận trọng kế hoạch hoạt động kinh doanh trong các năm tới cũng như mức giá chào bán của đợt phát hành bằng mệnh giá.

5. RỦI RO CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được tài trợ cho dự án "di dời địa điểm sản xuất, đền bù giải tỏa và xây dựng nhà máy mới tại Cụm Công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, tỉnh Long An" và phát triển nhà máy phía Bắc.

Thực tế ở Việt Nam, thời gian thực hiện một dự án như trên phần lớn phụ thuộc vào thời gian thực hiện các thủ tục pháp lý, đền bù, giải tỏa và lập thủ tục sử dụng đất. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành xong việc đền bù, giải tỏa, lập thủ tục sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bên cạnh đó, vốn đầu tư dự kiến của dự án chủ yếu là từ nguồn vay ngân hàng (41,5 tỷ đồng trên tổng số vốn đầu tư dự kiến là 59,05 tỷ đồng). Vì vậy, việc tiếp cận nguồn tài trợ từ ngân hàng là một vấn đề quan trọng mà Công ty phải thực hiện tốt để dự án có thể triển khai được. Với việc Chính phủ đang nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2009 và việc ưu đãi lãi suất cho các Công ty sản xuất, lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng đang trở nên hấp dẫn đối với người đi vay, lượng tiền sẵn sàng cho vay của các tổ chức tín dụng đang trở nên dồi dào thì việc tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng không phải là một vấn đề khó đối với Công ty. Tuy nhiên bước đầu Công ty đã được chấp thuận cho vay đầu tư vào các dự án của Công ty.

Qua việc phân tích dự án (xem phần VI. Mục đích chào bán), dự án di dời Công ty vào Cụm Công nghiệp Nhựa là một dự án khả thi, khả năng thu hồi vốn đủ trả nợ vốn và lãi vay ngân hàng theo đúng tiến độ quy định.

Như vậy, có thể thấy khó có rủi ro đáng kể có thể xảy ra đối với dự án đầu tư của Công ty.

6. RỦI RO PHA LOÃNG GIÁ CỔ PHIẾU

Giá giao dịch của cổ phiếu TPP sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường TPP sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội điều chỉnh theo công thức như sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + l^* PR}{1 + l}$$

(Nguồn: website UBCKNN)

Trong đó:

PR(t-1) là giá giao dịch của TPP ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

PR là giá cổ phiếu sẽ bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành thêm.

l là tỷ lệ vốn tăng.

Ví dụ:

Giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách: 17.000 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu phát hành thêm: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tỷ lệ vốn tăng: 60%.

Như vậy, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 14.375đồng/cổ phiếu.

7. RỦI RO KHÁC

Nhựa là sản phẩm dễ bắt cháy nên nguy cơ xảy ra hoả hoạn là rất lớn. Bên cạnh đó, các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, không thể lường trước được. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản và gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú - TAPLAST

Ông **Nguyễn Văn Hùng** Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông **Ngô Đức Trung** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông **Thượng Thị Ngọc Tuyết** Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà **Trần Hồng Phong** Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Ông **Tô Hải** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và thận trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú cung cấp.

III.CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
SKHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
DN	Doanh nghiệp
Công ty	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú
TAPLAST	Tên viết tắt Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BGĐ	Ban giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
PA	Hạt nhựa PA
HDPE	Hạt nhựa HDPE
PP	Hạt Nhựa tổng hợp PP
ABS	Nhựa ABS
BVTV	Bảo vệ thực vật
SXCN	Sản xuất công nghiệp
CTCP	Công ty cổ phần
Điều lệ Công ty	Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú
Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú
Tổ chức tư vấn, VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1 Lịch Sử Hình Thành:

Công ty Nhựa Tân Phú trực thuộc Công ty Nhựa Việt Nam (VINAPLAST) được thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1977 theo Quyết định số 612/CNN/TCQL và được cổ phần hóa trở thành Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú kể từ tháng 1 năm 2005 theo quyết định số 100/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp ngày 24/09/2004. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003066 do SKHĐT Tp.HCM đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2005, vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 8.700.000.000 đồng (Tám tỷ bảy trăm triệu đồng), trong đó phần vốn nhà nước tại Công ty chiếm tỷ lệ 51%, phần còn lại là vốn góp của CBCNV và cổ đông bên ngoài. Với nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, năm 2006 Công ty tiếp tục tăng vốn lên 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng) và đến năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) với số lượng cổ phần góp vốn của nhà nước vẫn giữ nguyên là 443.700 cổ phần chiếm tỷ lệ 21,19%, phần còn lại thuộc về CBCNV và cổ đông khác. Đến năm 2009 vốn điều lệ Công ty tăng lên 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

Thời gian	VĐL sau phát hành (1.000 đ)	Số vốn tăng (1.000 đ)	Hình thức tăng vốn	Mục đích tăng vốn
09/2006-10/2006	14.000.000	5.300.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và CBCNV	Bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc, thiết bị.
02/2007-03/2007	20.000.000	6.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu thưởng CBCNV	Bổ sung vốn lưu động, đầu tư Nhà xưởng, trang thiết bị
12/2009	25.000.000	5.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Đầu tư dự án nhà máy tại Long An và Nhà máy Phía Bắc

Với sự đóng góp tận tụy và đầy nhiệt huyết của đội ngũ lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã từng bước khẳng định được vị thế vững chắc và trở thành một trong những doanh nghiệp nhựa có uy tín trong ngành công nghiệp nhựa Việt Nam. Nhờ đạt được những thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đạt được một số danh hiệu sau:

- Huy chương vàng chất lượng sản phẩm – Thương hiệu Việt Nam hội nhập kinh tế Quốc tế 2003 cho sản phẩm: Chai nhựa 3 lớp (PE/EVA/PA) loại 100ml
- Huy chương vàng chất lượng sản phẩm – Thương hiệu Việt Nam hội nhập Quốc tế 2003 cho sản phẩm: Thùng nhựa HDPE 100 lít
- Cúp vàng thương hiệu Việt Nam 2004
- Huy chương vàng Thương hiệu Công nghiệp Việt Nam 2004
- Huy chương vàng Thương hiệu Việt Nam hội nhập kinh tế Quốc tế cho sản phẩm: Vỏ bình nhựa accu N120 năm 2005
- Cúp vàng thương hiệu Việt Nam hội nhập kinh tế Quốc tế năm 2005
- Cúp vàng thương hiệu Công nghiệp Việt Nam – Bộ Công Nghiệp tặng giải thưởng quốc gia năm 2006
- Huy chương vàng chất lượng sản phẩm – Tôn vinh doanh nhân – Thương hiệu công nghiệp hàng đầu Việt Nam năm 2006 – Bộ Công Nghiệp cho sản phẩm: Chai nhựa 3 lớp (PE/EVA/PA) loại 480ml và sản phẩm Vỏ bình nhựa accu N180
- Bộ Khoa học và Công nghệ tặng Cúp vàng ISO – Chìa khóa hội nhập năm 2006

Trong quá trình phát triển của Công ty, nhất là từ khi chuyển sang hình thức cổ phần, Công ty đã không ngừng tăng doanh thu, mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước với công suất hiện nay đạt trên 5.000 tấn sản phẩm/năm. Những thành tích đã được Nhà nước công nhận:

- Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng III năm 1991
- Bộ Công nghiệp tặng Bằng khen về thành tích SXKD trong năm 2003, năm 2004
- Bộ Công nghiệp tặng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua SXKD năm 2005
- Bộ Thương mại tặng Bằng khen về thành tích xuất khẩu năm 2005
- Bộ Công nghiệp tặng cờ thi đua là đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua SXKD năm 2006, 2007
- Nhà nước tặng huân chương lao động hạng II năm 2007

1.2 Giới Thiệu Về Công Ty:

Tên đầy đủ:	**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ**
Tên tiếng Anh:	**TANPHU PLASTIC JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt:	TAPLAST

Biểu tượng của Công ty:	TAPLAST ISO 9001 2000
Trụ sở:	314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
Điện thoại:	(84 8 3) 860.9003
Fax:	(84 8 3) 860.7622
Website:	www.tanphuplastic.com
Email:	taplast@hcm.vnn.vn
Giấy CNĐKKD:	4103003066 do SKHĐT Tp.HCM cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005
Vốn điều lệ:	25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng)
Ngành nghề kinh doanh:	

1.3 Các Lĩnh Vực Hoạt Động Của Công Ty:

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần bổ sung thêm chức năng và hiện nay lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần gần nhất là:

- Sản xuất các sản phẩm bao bì, phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công - nông - ngư nghiệp - giao thông - vận tải - xây dựng - bưu chính viễn thông và dân dụng; chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa
- Mua bán nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa
- Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở)
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, sản phẩm, máy móc, thiết bị ngành công - nông nghiệp, ngành xây dựng (trừ thuốc bảo vệ thực vật), hàng gia dụng
- In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở)
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông
- Kinh doanh nhà ở
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi
- Đại lý ký gởi, mua bán hàng hóa
- Sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp thứ V thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ

này được thông qua bởi cổ đông của Công ty tại Đại hội cổ đông tổ chức lần đầu vào ngày 08 tháng 01 năm 2005 và đã được bổ sung sửa đổi thông qua ngày 25/07/2007, ngày 12/4/2010 Đại hội đồng cổ đông sửa đổi điều lệ và đã được thông qua .

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Giám đốc và các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: Phòng Kế hoạch Đầu tư, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Tài chính Kế toán và cũng là nơi đặt nhà máy sản xuất chính (gồm Phòng Kỹ thuật Sản xuất, Xưởng Cơ điện và 3 Phân xưởng).

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Số 14/44 đường Đức Giang , Phường Thượng Thanh , Quận Long Biên, TP.Hà Nội.

Chi nhánh Công ty tại Hà Nội là đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc công ty, thực hiện nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh tại thị trường phía Bắc, phục vụ cho mục tiêu mở rộng thị trường và thị phần của Công Ty.

Hiện tại, bộ máy tổ chức của Công ty đang vận hành khá hiệu quả. Công ty hiện được điều hành chính bởi Tổng Giám Đốc; giúp việc cho Tổng Giám Đốc có 2 Phó Tổng Giám Đốc, bao gồm: Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính phụ trách trực tiếp phòng tài chính, Phó Tổng Giám Đốc Kỹ thuật – Sản xuất phụ trách trực tiếp Phòng Kỹ thuật Sản xuất và các phân xưởng; và các phòng ban với chức năng nhiệm vụ cụ thể như sau:

3. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

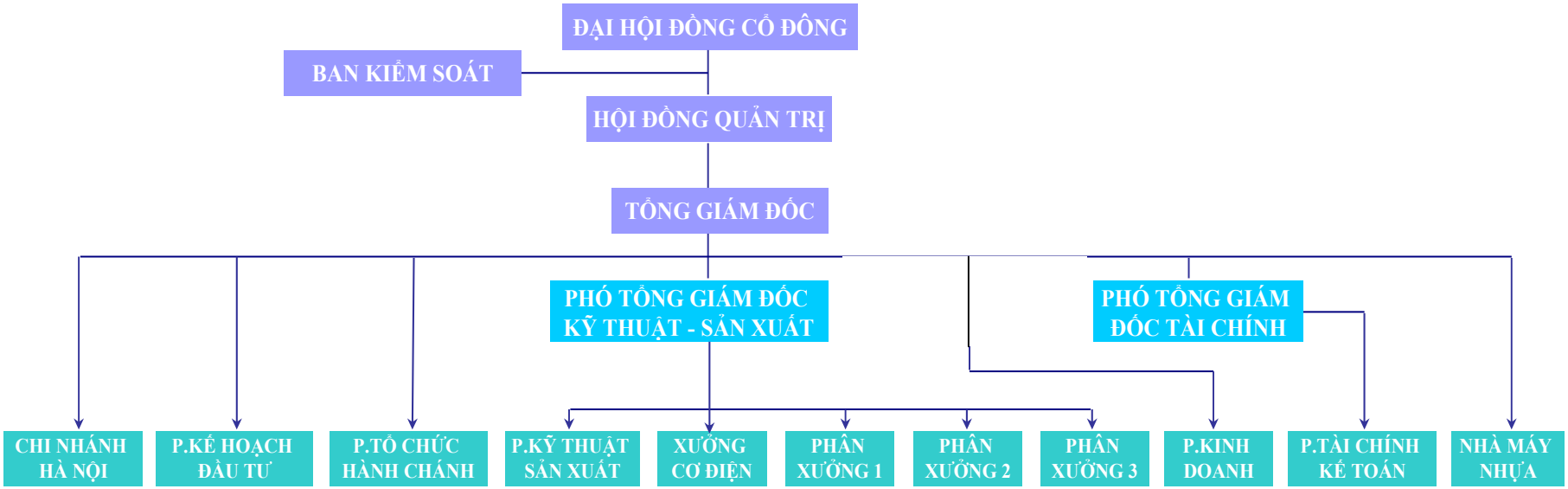

Đại Hội Đồng Cổ Đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, được tổ chức mỗi năm một lần, có quyền quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho HĐQT và BKS… , ĐHĐCĐ có quyền bầu, mãi nhiệm thay thế thành viên HĐQT và BKS; và các quyền khác theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Hội Đồng Quản Trị:

Có quyền quyết định, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở ĐHĐCĐ thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. HĐQT có quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành và các Cán bộ quản lý khác; và các quyền khác theo luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Ban Kiểm Soát:

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng, hàng quý, các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền lợi cổ đông theo luật pháp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc:

Gồm có 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Đại diện lãnh đạo

Điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, của các cấp quản lý trong Công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới và đầu tư chiều sâu, các phương án liên doanh, liên kết, kế hoạch đào tạo cán bộ trong Công ty trình HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt.

Phòng tổ chức hành chánh :

Thực hiện và tham mưu cho lãnh đạo Công ty các nhiệm vụ: tổ chức công tác tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; quản lý lao động, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động; hành chánh quản trị, văn phòng.

Phòng Kinh Doanh:

Thực hiện và tham mưu cho BTGĐ các lĩnh vực công tác sau: lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo chiến lược trong từng thời kỳ: hàng năm, trung hạn, dài hạn; quảng cáo sản phẩm,

mở rộng thị trường và tham gia các hội chợ; kinh doanh, tiêu thụ, xuất nhập khẩu; xây dựng giá và xử lý giá trong cung ứng và tiêu thụ hàng hóa; quản lý kho nguyên liệu, vật tư, thành phẩm; tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Kế Hoạch Đầu Tư:

Phòng Kế hoạch - Đầu tư thực hiện và tham mưu cho HĐQT và BGĐ trong các lĩnh vực Đầu tư, sản xuất, kinh doanh, lập kế hoạch theo chiến lược trong từng thời kỳ: ngắn hạn (tháng, quí, 6 tháng, năm), trung hạn (3 năm, 5 năm)và dài hạn (trên 5 năm); điều độ sản xuất, ban hành lệnh sản xuất; quản lý gia công bên ngoài; lập phương án, thực hiện công tác đầu tư trong từng thời kỳ theo kế hoạch sản xuất, chiến lược phát triển thị trường ngắn hạn, trung và dài hạn của Công Ty.

Phòng Tài Chính Kế Toán:

Thực hiện và tham mưu cho lãnh đạo Công ty các lĩnh vực sau: lập kế hoạch và cân đối sử dụng tài chính, tạo nguồn và sử dụng vốn hợp lý; quản lý chế độ tài chính và các loại vốn cố định, lưu động, vốn vay; tổ chức hệ thống kế toán - thống kê, thực hiện chế độ hạch toán kế toán; thanh toán lương, các chế độ cho cán bộ công nhân viên chức; định kỳ phân tích hoạt động kinh tế và thông tin nhanh các hoạt động tài chính - kế toán cho lãnh đạo công ty.

Phòng Kỹ Thuật Sản Xuất:

Tham mưu cho BGĐ công ty các lĩnh vực sau: quản lý công nghệ sản xuất và nghiên cứu công nghệ tiên tiến; quản lý máy móc thiết bị, khuôn, điện; quản lý sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các đề tài khoa học kỹ thuật; tổ chức đào tạo tay nghề cho công nhân sản xuất. Quản lý chất lượng sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra theo các điểm kiểm soát của Hệ thống quản lý chất lượng; Thực hiện chức năng của Trung tâm Kiểm soát tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001; Tham gia huấn luyện nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm cho KCS, công nhân, Trưởng ca sản xuất.

Nhà máy Nhựa Tân Phú:

Nhà máy Nhựa Tân Phú tại Long An là đơn vị hạch toán độc lập, tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh sản phẩm bao bì ngành nhựa: PEHD, PELD, PET, PP… phục vụ các ngành kinh tế kỹ thuật, chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc Công ty.

Xưởng Cơ Điện:

Quản lý toàn bộ thiết bị máy móc, máy công cụ trong Công ty; thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc và khuôn mẫu; chế tạo, gia công, cung ứng vật tư kỹ thuật cơ khí; quản

lý khuôn và chế tạo khuôn mẫu mới; tham gia công tác đào tạo nâng cao tay nghề, thi nâng bậc cho công nhân sản xuất.

Phân Xưởng Sản Xuất:

Là đơn vị trực thuộc Công ty, trực tiếp sử dụng máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, lao động để sản xuất sản phẩm theo kế hoạch Công ty đã giao nhằm đáp ứng mục tiêu sản xuất - kinh doanh của Công ty đề ra hằng tháng, quí, năm.

4. DANH SÁCH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

4.1 Danh Sách Cổ Đông Nắm Giữ Trên 5% (Thời Điểm 18/03/2010):

STT	Cổ Đông	Địa Chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Nhựa Việt Nam	92-94 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp. HCM	554.625	22,2%
2	Nguyễn Văn Hùng	182 Pasteur, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM	158.886	6,4%
3	Ngô Đức Trung	217/C6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	177.412	7,1%
4	Nguyễn Thanh Hiền	95 Thạnh Thị Thanh P. Tân Định, Q 1, Tp.HCM	157.700	6,3%
Tổng cộng			**1.048.623**	**42%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

4.2 Cơ Cấu Cổ Đông Công Ty (Thời Điểm 18/3/2009):

Cổ Đông	Số Lượng Cổ Phần	Giá Trị Sở Hữu (VNĐ'000)	Tỷ Lệ Sở Hữu (%)
Tổ chức	**605.610**	**6.056.100**	**24,2%**
Trong nước	605.610	6.056.100	24,2%
Ngoài nước	-	-	-
Cá nhân	**1.894.390**	**18.943.900**	**75,8%**
Trong nước	1.880.565	18.805.650	75,2%
Ngoài nước	13.825	138.250	0,6%
Tổng Cộng	**2.500.000**	**25.000.000**	**100%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TAPLAST, NHỮNG CÔNG TY MÀ TAPLAST ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TAPLAST

5.1 Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Taplast:

Không có

5.2 Danh sách những Công ty mà Taplast nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Công ty	Số Lượng Cổ Phần	Giá Trị Sở Hữu (VNĐ'000)	%TAPLAST sở hữu
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Phú	195.000	1.950.000	65%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ TÂN PHÚ

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)

Giấy CNĐKKD: 4103010414 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM ngày 26/5/08

Ngành, nghề kinh doanh:

- Mua bán phế liệu, phụ liệu, màu ngành nhựa
- Quảng cáo thương mại
- Mua bán máy móc, thiết bị, khuôn mẫu vá các loại vật tư ngành nhựa, ngành cơ khí
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
- Mua bán nguyên liệu, vật tư thiết bị ngành giấy
- Mua bán nguyên liệu, vật tư thiết bị ngành xây dựng

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Sản Lượng Sản Phẩm:

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tự hào là một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực sản xuất chai PET các loại dùng trong các ngành thực phẩm, nước uống đóng chai, đặc biệt là các loại chai PET và chai nhiều lớp cho ngành Bảo vệ thực vật.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú cũng là một trong những đơn vị đầu tiên ở Việt Nam chuyên sản xuất và cung ứng các sản phẩm nhựa HDPE, PET, PP, ABS.... dùng cho các loại sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, thùng sơn, thùng đựng hải sản, thùng đựng bột giặt, dầu nhớt, bình ắcquy… các loại sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

- Các loại bao bì rỗng: can, chai, bình đựng dầu nhờn
- Két bia, két nước ngọt các loại
- Các loại sản phẩm phục vụ quảng cáo
- Vỏ bình ắc quy các loại
- Sản phẩm chai nhiều lớp và chai PET phục vụ cho ngành BVTV
- Sản phẩm chai PET phục vụ cho các ngành giải khát, thực phẩm, y tế…
- Các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao: vỏ tivi, linh kiện nhựa máy lạnh, tủ lạnh, thùng sơn, phụ kiện xây dựng
- Chế tạo khuôn mẫu ngành nhựa

Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty qua năm 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010

Sản phẩm	ĐVT	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1 Năm 2010	
		Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ
Chai PET	Chai	61.001.130	59.233.865	83.180.018	83.718.314	65.852.014	65.173.277	19.236.354	19.549.677
Chai nước khoáng + phôi	Chai	23.202.326	21.351.973	38.650.453	39.092.908	*25.914.159*	25.710.364	*8.046.295*	8.519.473
Chai dầu ăn	Chai	18.872.788	18.978.660	21.482.920	21.356.271	*1.701.577*	1.599.139	*949.800*	861.175
Chai bảo vệ thực vật		12.593.130	12.366.729	14.963.184	15.219.374	*15.024.617*	15.059.103	*3.981.516*	3.810.169
Chai thực phẩm		*6.332.886*	*6.536.503*	*8.083.461*	*8.049.761*	*23.211.661*	*22.804.671*	*6.258.743*	*6.358.860*
Chai HDPE + T	Chai	734.503	756.068	496.357	502.393	1.038.352	1.000.118	244.015	251.235
Chai 3 lớp		14.452.830	13.658.101	10.072.242	10.869.720	8.236.191	8.328.222	3.070.383	2.930.983
Can, thùng nhựa	Cái	636.418	625.559	568.398	575.535	821.818	891.982	207.958	248.061
Dụng cụ gia đình, sản phẩm ép CN	Tấn	449.740	442.591	287.016	283.972	81,350	50,091	75,615	41,669
Két bia	1000 cái	456.985	462.103	274.339	267.970	265,268	281,943	69,660	69,655
Két nước ngọt		233.068	226.637	121.619	121.601	165,367	178,713	111,700	95,720
Bình ắc qui		245.502	231.011	193.035	198.411	210,271	218,325	93,085	80,534

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Với nhu cầu thị trường ngày càng lớn và khả năng cung ứng sản phẩm của công ty ngày càng cao, Công ty đã mạnh dạn đầu tư thêm máy móc để gia tăng sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ nhằm nâng cao doanh số kinh doanh cũng như hiệu quả kinh doanh nhờ vào hiệu ứng quy mô sản xuất. Năm 2008, sản phẩm chai PET, một trong những mặt hàng chủ lực của công ty đã tăng trên 35% về sản lượng sản xuất và trên 41% về sản lượng tiêu thụ so với năm 2007; Sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động đáng kể đến các ngành sản xuất nói chung và Nhựa Tân Phú nói riêng đã làm giảm sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm. Tuy nhiên đến cuối năm 2009 và đầu năm 2010 sự hồi phục nền kinh tế và hiệu quả từ các gói kích cầu của chính phủ đã hiệu quả đáng kể đến sự tăng trưởng của Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH CỦA TAPLAST

Két 24 Chai

Két 20 Chai

Vỏ Bình Ắc Qui N150

Vỏ Tivi

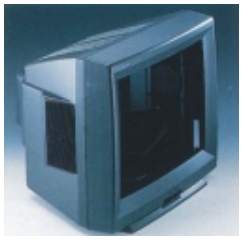

Vỏ Ti Vi

Khuôn Thổi

Thùng Đá DL

Khuôn Ép Phôi

Khay Bia

Can 20L

Thùng Sơn

Ống Silicon

Chai Nhiều Lớp

Thùng Bột Giặt

SP Phục Vụ
Ngành Xây Dựng

Chai Dầu Ăn 1L

Vỏ Bình Ắc Qui N70

Chai PET BVTV

Phôi PET các Loại.

6.2 Cơ Cấu Doanh Thu & Lợi Nhuận

Cơ cấu doanh thu:

ĐVT: VND'000

Chỉ Tiêu	Nam 2008		Năm 2009		Q1/ Năm 2010	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
Doanh thu từ thành phẩm	129.988.179	71,52%	139.477.571	56,99%	36.074.815	48,06%
Doanh thu nguyên vật liệu	51.747.084	28,48%	105.255.863	43,01%	38.979.910	51,94%
Tổng cộng	**181.735.263**	**100%**	**244.733.434**	**100%**	**75.054.725**	**100%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Doanh thu của Công ty chủ yếu dựa vào 2 nguồn doanh thu chính: Doanh thu thành phẩm và Doanh thu bán nguyên vật liệu. Trong đó, Doanh thu thành phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu từ các năm đầu khi Công ty con của TAPLAST chưa thực hiệu quả, khoảng 83% tổng doanh thu năm 2007, 72% tổng doanh thu năm 2008 và trong năm 2009 khi Công ty phát triển mạnh trong lĩnh vực thương mại thì tỷ trọng của doanh thu từ nguyên vật liệu (hạt nhựa) có tỷ trọng cao từ 43% tổng doanh thu năm 2009 và quý 1 tháng đầu năm 2010 là 51,94%.

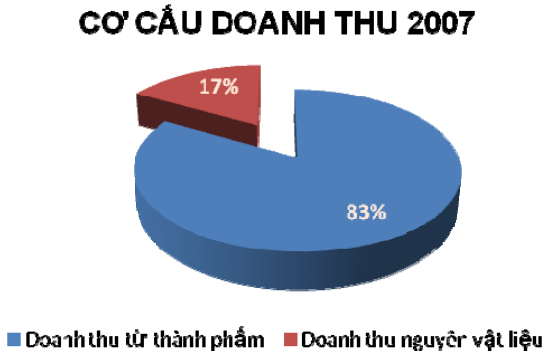

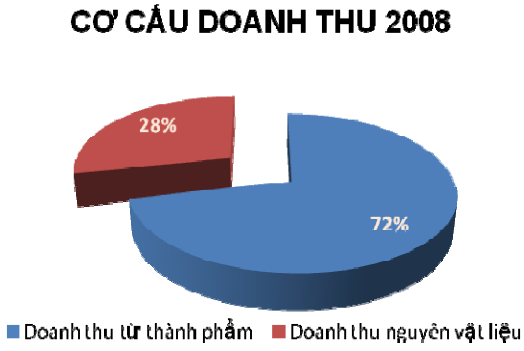

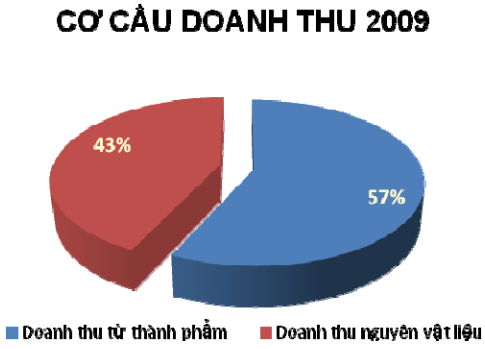

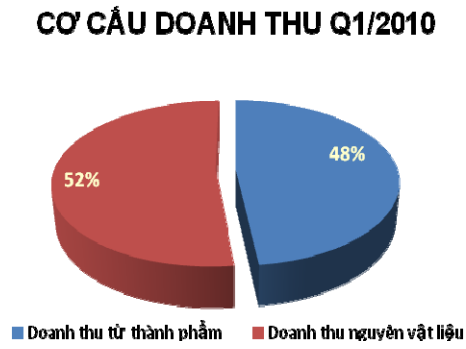

Giá các sản phẩm của Công ty thường được điều chỉnh tương ứng với giá nguyên vật liệu đầu vào, chủ yếu là giá hạt nhựa nhập khẩu, do đó Công ty luôn giữ được mức lợi nhuận ổn định và ít chịu ảnh hưởng bởi biến động của thị trường nguyên liệu. Đây cũng là chiến lược chung của các công ty có đặc điểm hoạt động như Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú do trong tình hình Việt Nam chưa chủ động được hạt nhựa từ nguồn sản xuất trong nước.

Doanh thu của Công ty mang tính mùa vụ. Quý 1 và Quý 4 hàng năm là giai đoạn cao điểm trong khi Quý 3 là thời gian thấp điểm tiêu thụ sản phẩm của Công ty

Một số khách hàng tiêu biểu của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú:

Cambodia Beverage Co. Ltd	Map-Pacific
P&G	Nestle VN
Euro tech Im-Ex CPC	Công ty nước khoáng Vĩnh Hảo
Ouch Sambath	CTCP Nicotex (Nicotex)
Coca-Cola VN	CTCP Dầu thực vật Bình An
Pin ắc quy miền Nam	Cty Golden Hope Nhà Bè
CTCP Quốc tế Hòa bình	Cty Khử trùng giám định VN
CTCP BVTV1	CTCP Hóa Nông Lúa Vàng
CTCP bia rượu-NGK SG	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Cơ cấu lợi nhuận

Chỉ Tiêu	Nam 2008		Năm 2009		Q1/ Năm 2010	
	Giá trị	% LN	Giá trị	% LN	Giá trị	% LN
Lợi Nhuận từ thành phẩm	410.361	7,3%	5.412.901	94,4%	2.238.066	99,1%
Lợi Nhuận nguyên vật liệu	355.223	6,3%	322.507	5,6%	19.497	0,9%
Lợi nhuận khác	4.871.907	86,4%		0,0%		0,0%
Tổng cộng	5.637.490	100,0%	5.735.407	100,0%	2.257.563	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Trong năm 2008 là năm có nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất vớ tình hình khủng hoản kinh tế toàn cầu, lạm phát trong nước tăng cao đã tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến hiệu quả của ngành kinh doanh chính không cao, tuy nhiên trong năm 2008 doanh nghiệp có chuyển nhượng một lô đất tại Long An nên lợi nhuận từ hoạt động khác của Tân Phú hơn 4 tỷ đồng. Qua năm 2009 và đầu năm 2010 tình hình kinh tế toàn cầu nói chung có chiều hướng hồi phục tốt thêm vào đó là các gói kích cầu của chính phủ đã hỗ trợ phần nào cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất hiệu quả hơn. Trong năm 2009 tỷ lệ lợi nhuận từ thành phẩm của Tân Phú chiếm 94,4% và hơn 99% trong quý 1 năm 2010 .

6.3 Nguyên Vật Liệu:

Nguyên liệu của Công ty chủ yếu là nhựa PA, PS, ABS, PP, PET, HDPE… Nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng bình quân từ 50%-70% giá vốn hàng bán của Công ty tùy thuộc vào loại sản phẩm. Căn cứ vào nhu cầu về loại sản phẩm của khách hàng mà Công ty phải sử dụng các loại nguyên liệu phù hợp. Nhìn chung, biến động thất thường giá nguyên liệu nhựa của Công ty trong những năm gần đây do những yếu tố sau:

- Biến động giá dầu trên thị trường thế giới và tình hình kinh tế, chính trị tại các nước xuất khẩu dầu mỏ lớn trên thế giới.
- Thị trường nhập khẩu nguyên liệu nhựa của Công ty chủ yếu là các nước ASEAN (Thái Lan và Indonesia) do chi phí vận chuyển và thuế nhập khẩu thấp. Tuy nhiên, với việc nhập khẩu nguyên liệu ồ ạt từ thị trường lớn là Trung Quốc đã ảnh hưởng rất lớn đến lượng cung từ các thị trường này.

BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU NĂM 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010

ĐVT: Tấn

Nguyên liệu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch		Q1/Năm 2010	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ
Hạt nhựa PET	23.344	21.034	-2.310	-9,90%	25.167	4.133	19,65%
Hạt nhựa HD ép	24.593	19.595	-4.998	-20,32%	26.549	6.954	35,49%
Hạt nhựa PP	25.865	21.368	-4.497	-17,39%	27.041	5.673	26,55%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Giá nguyên liệu đầu vào trong những tháng đầu năm 2010 tăng cao so với năm 2009 đã ảnh hưởng đáng kể đến chi phí đầu vào của Doanh nghiệp, tuy nhiên hiện tại Công ty đã sử dụng hàng loạt các biện pháp để tránh bị ảnh hưởng bởi sự tăng giá nguyên vật liệu như: thành lập bộ phận nghiên cứu

đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu, tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới từ trong nước và nước ngoài và giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất...

Công ty có thể linh hoạt trong việc dự trữ nguyên vật liệu nhằm đảm bảo sản xuất được liên tục và hạn chế phần nào ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; linh hoạt trong việc xây dựng các chính sách hỗ trợ về tín dụng đối với một số khách hàng truyền thống.

Chi tiết hạt nhựa nhập khẩu theo nhà cung cấp:

Nhà cung cấp	2008		Năm 2009		Q1/ Nam 2010	
	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%	Tỷ đồng	%
BASELL ASIA PACIFIC LTD	-	-	1,347	0,95%	0,967	2,57%
DAELIM CORPORATION	1,418	0,88%	-	-	2,062	5,47%
Shinkong Systhetic Corp	17,986	11,11%	-	-	-	-
BASS COPANY PTE LTD	0,77	0,48%	0,752	0,53%	-	-
Nagase Singapore Ltd	9,213	5,69%	0,584	0,41%	3,602	9,56%
HYOSUNG	1,149	0,71%	-	-	0,88	2,34%
SABIC ASIA PACIFIC LTD	-	-	-	-	2,628	6,98%
TOSHIBA MACHINE CO. LTD	-	-	1,43	1,01%	-	-
CSG FERFORMENT CHEMICAL LTD	-	-	-	-	0,902	2,39%
MITSUI	0,656	0,41%	0,561	0,40%	-	-
SCT Ltd	7,475	4,62%	-	-	-	-
PTT POLYMER	4,76	2,94%	-	-	-	-
SCG Plastics Ltd	4,033	2,49%	-	-	0,902	2,39%
CJP INTERNATIONAL	1,298	0,80%	-	-	-	-
AIHUA	2,363	1,46%	2,044	1,45%	-	-
CHESO	2,699	1,67%	1,083	0,77%	-	-
RELIANCE INDUSTRIES LIMITED	-	-	4,253	3,01%	-	-
CTY TNHH NHỰA& HC PHÚ MỸ	-	-	18,031	12,77%	-	-
CTY CP HOÁ CHẤT HÀ VIỆT	-	-	1,171	0,83%	-	-
CTY TNHH VIỆT TOÀN TÂM	-	-	3,481	2,47%	-	-
DNTN TM HẢI THÔNG	-	-	-	-	1,904	5,06%
Công ty CP Nhựa VN	-	-	1,683	1,19%	0,035	0,09%
XN TMDV Nhựa số 1	15,639	9,66%	10,63	7,53%	4,643	12,33%
Công Ty TM DV Tân Phú	39,451	24,36%	61,096	43,28%	9,904	26,29%
Tổng cộng	**108,91**	**67,26%**	**108,146**	**76,61%**	**28,429**	**75,48%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

6.4 Chi Phí Sản Xuất:

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

ĐVT: VND'000

Yếu Tố Chi Phí	Năm 2008		Năm 2009		Q1 Năm 2010	
	Giá Trị	% DT	Giá Trị	% DT	Giá Trị	% DT
Giá vốn hàng bán	158.149.080	87,02%	215.629.520	88,11%	67.345.490	89,73%
Chi phí bán hàng	7.108.389	3,91%	7.755.403	3,17%	1.478.901	1,97%
Chi phí QLDN	9.692.929	5,33%	11.433.801	4,67%	3.108.609	4,14%
Chi phí HĐ tài chính	6.334.235	3,49%	4.445.363	1,82%	1.547.371	2,06%
Tổng cộng	**181.284.633**	**99,75%**	**239.264.087**	**97,77%**	**73.480.371**	**97,90%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Giá vốn hàng bán:

Chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán là giá trị hạt nhựa, thông thường tỷ lệ này vào khoảng 62%. Công ty có chính sách điều chỉnh giá bán theo tỷ lệ gia tăng của giá hạt nhựa đầu vào, do đó, lợi nhuận gộp của Công ty luôn giữ ổn định ở mức 12%-13%.

Trong các năm qua, Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí sản xuất, qua đó đưa ra mức giá hợp lý và cạnh tranh cho khách hàng, cụ thể:

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí nguyên liệu đầu vào;
- Tận dụng nguyên vật liệu để tránh hao phí;
- Tối đa hóa năng suất thiết bị; và
- Xây dựng phương án tồn kho nguyên vật liệu và thành phẩm hợp lý.

Ngoài ra, cùng với việc đầu tư thêm những trang thiết bị hiện đại, Công ty đã giảm thiểu được hao hụt nhiên liệu, ít phế phẩm nên cũng góp phần vào việc giảm giá thành sản phẩm.

Chi phí bán hàng:

Tỷ trọng chi phí bán hàng/doanh thu thuần biến động trong khoảng 3%- 4% trong những năm qua. Chiếm phần lớn trong chi phí bán hàng là chi phí thuê xe vận chuyển (31%-33%), chi phí hoa hồng môi giới bán hàng (19%-23%), chi phí nhân lực (25%), khấu hao (6%) và chi phí thuê kho bãi (4%). Ngoại trừ chi phí hoa hồng môi giới bán hàng có khuynh hướng tăng nhẹ qua các năm do chiến lược mở rộng mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường; các chi phí khác đã được Công ty duy

trì ở mức ổn định qua các năm. Đến hết Quý 1 năm 2010 tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu giảm nhiều (chưa đạt 2%).

Chi phí quản lý Doanh nghiệp:

Trong các năm qua, chi phí quản lý Doanh nghiệp của Công ty ít biến động mạnh. Công ty đã cố gắng thực hiện tốt các biện pháp tiết kiệm, cắt giảm chi phí một cách hợp lý nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty làm cho sự biến động chi phí tăng rất thấp, thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động điều hành. Cụ thể tỷ lệ chi phí quản lý trên doanh thu thuần chiếm 5,33% năm 2008 xuống 4,67% năm 2009 và 4,14% trong quý 1 năm 2010.

Chi phí hoạt động tài chính (chi phí lãi vay):

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty trong các năm qua giảm nhẹ do Công ty đã giảm dần việc sử dụng đòn bẩy tài chính để hỗ trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong các năm qua, Công ty đã cố gắng trong việc điều tiết, quản lý và cắt giảm các yếu tố chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý và chi phí hoạt động tài chính. Việc quản lý và kiểm soát tốt các chi phí đầu vào đã làm giảm giá thành sản phẩm của Công ty, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm mang thương hiệu Nhựa Tân Phú trên thị trường là một trong những chiến lược đang được Công ty thực hiện và chú trọng trong thời gian tới.

6.5 Trình Độ Công Nghệ:

Hiện tại TAPLAST đang áp dụng các quy trình công nghệ tiên tiến và trang thiết bị hiện đại nhằm tạo ra các sản phẩm luôn luôn đạt chất lượng tốt nhất khi đến tay người tiêu dùng, cụ thể:

Quy trình sản xuất sản phẩm chai 3 lớp:

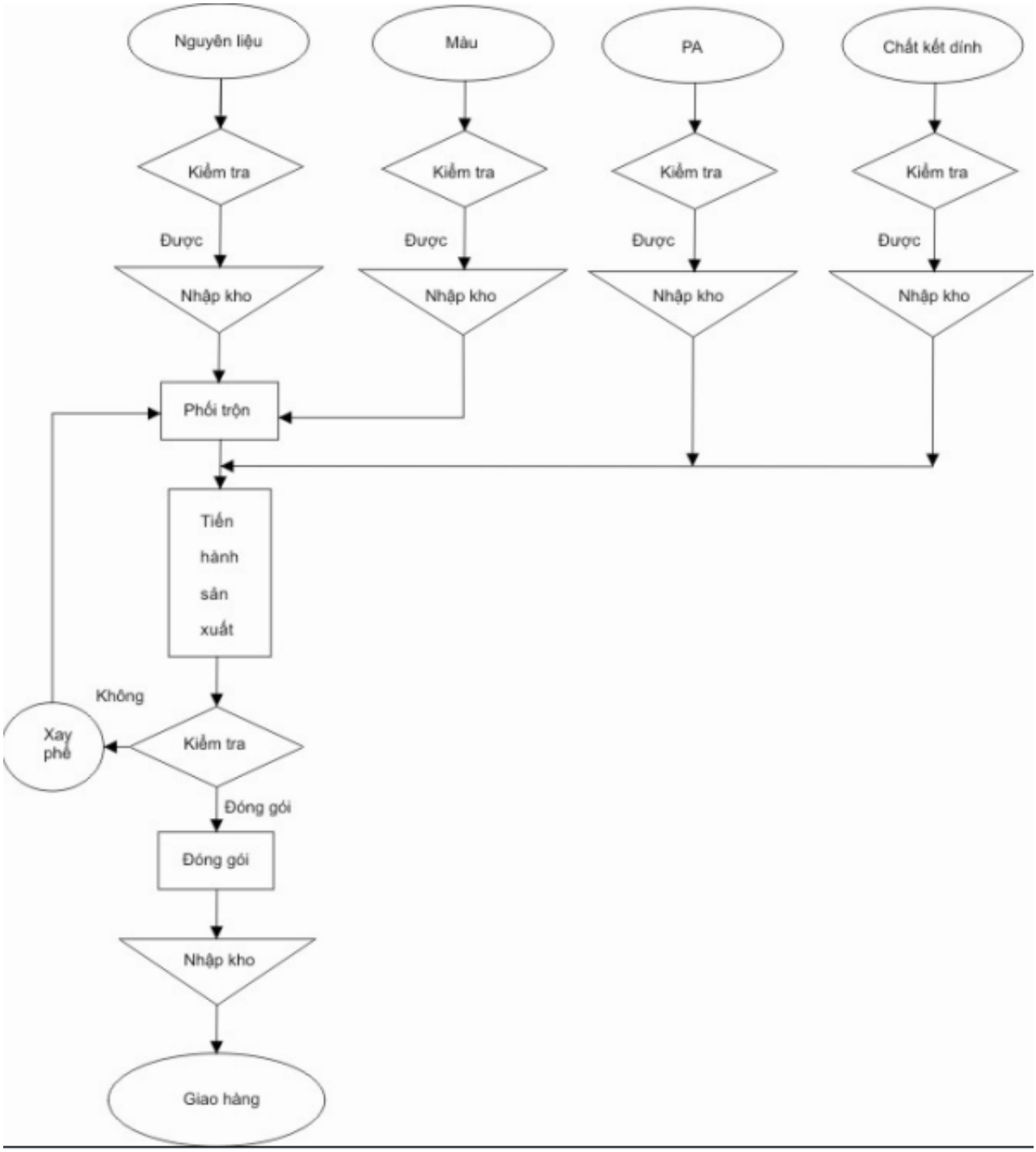

Quy trình sản xuất chai PET

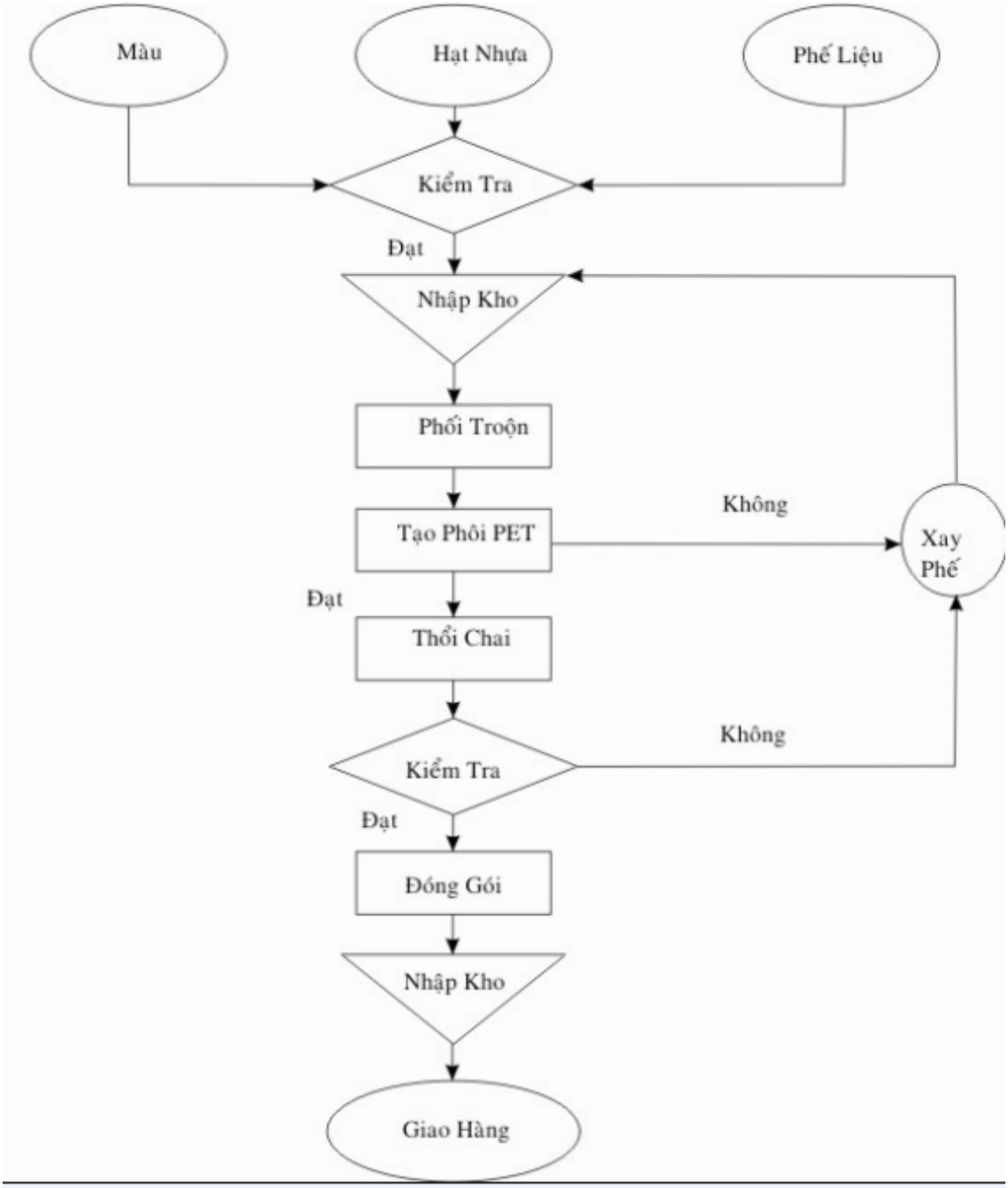

Quy trình sản xuất các sản phẩm KÉT

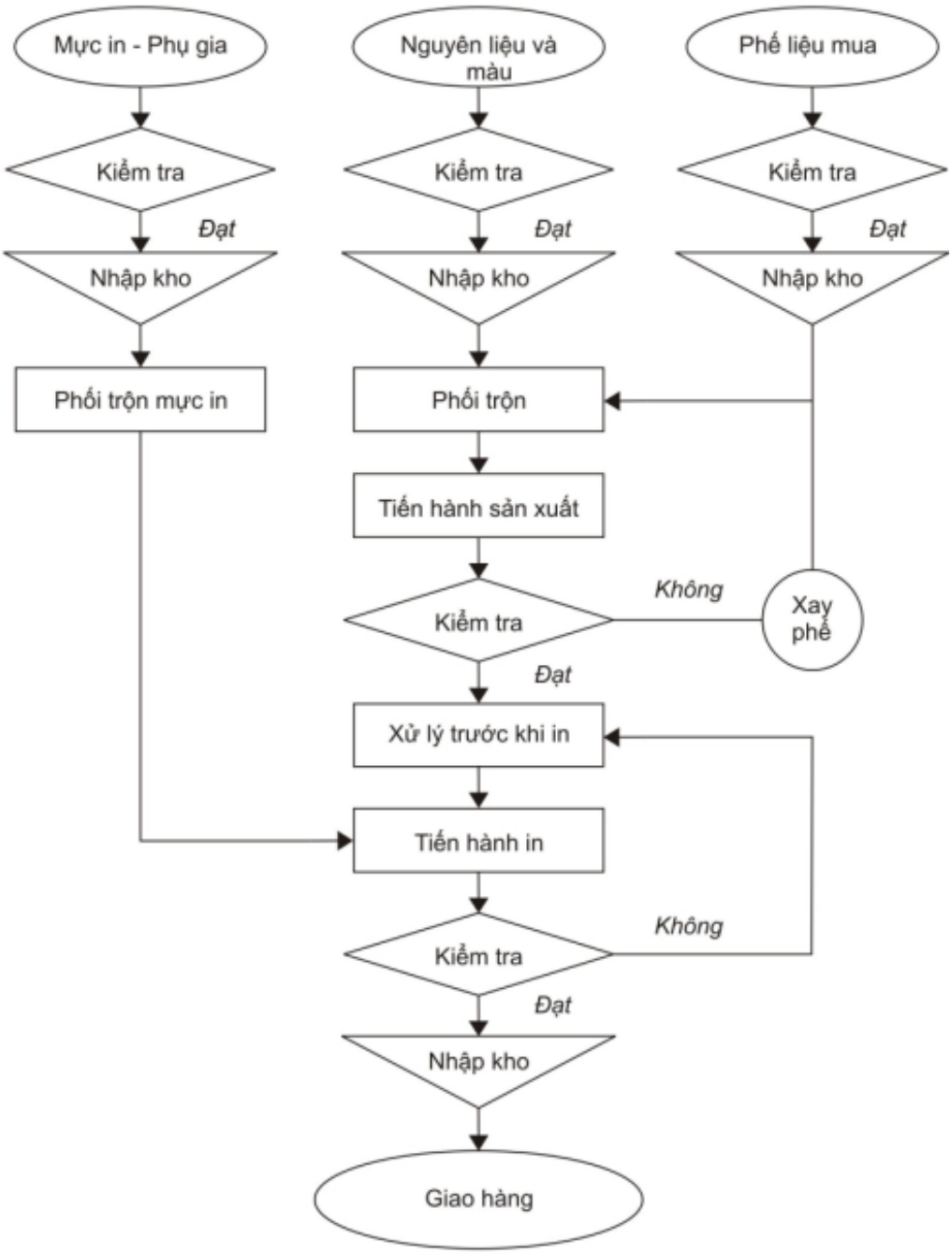

Công nghệ:

Hiện tại TAPLAST đang sử dụng các công nghệ tiên tiến sau:

Công nghệ ép phun tiên tiến

Với các thiết bị có thể sản xuất những sản phẩm đạt chất lượng cao, theo yêu cầu của khách hàng như: Các loại két bia, két nước ngọt, thùng sơn, thùng bột giặt, Ắc qui, linh kiện nhựa của máy lạnh, tủ lạnh...

Công nghệ thổi tiên tiến:

- Công nghệ thổi chai PET với các máy thổi 1 giai đoạn
- Công nghệ thổi chai PET với các máy thổi 2 giai đoạn
- Công nghệ thổi chai 3-4 lớp bằng máy thổi 3 lớp, 4 lớp
- Công nghệ đùn thổi tạo sản phẩm cal, bao bì rỗng các loại
- Kỹ thuật và công nghệ thiết kế chế tạo khuôn mẫu cho ngành nhựa với hệ thống máy CNC hiện đại

Trang thiết bị:

Trong các năm vừa qua, Công ty đã đầu tư nhiều trang thiết bị phục vụ sản xuất theo tiêu chuẩn và công nghệ hiện đại nhằm tạo ra các sản phẩm nhựa đạt chất lượng tốt và có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Trang thiết bị	Số lượng
Máy ép nhựa 650 - 1420 tấn	5
Máy ép nhựa 200 - 250 tấn	11
Máy ép nhựa 100 - 180 tấn	10
Máy thổi chai PET tự động 2 giai đoạn	5
Máy thổi chai PET khác	10
Máy thổi nhiều lớp	5
Máy thổi khác	9
Hệ thống máy CNC phục vụ cho yêu cầu chế tạo khuôn và linh kiện đảm bảo yêu cầu chất lượng SP	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

HÌNH ẢNH MỘT SỐ TRANG THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI CỦA CÔNG TY

6.6 Tình Hình Nghiên Cứu và Phát Triển Sản Phẩm Mới:

Công ty chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển cả về con người lẫn máy móc thiết bị. Đây được xem như một lợi thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh. Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty do phòng Kế hoạch Đầu tư phụ trách. Hàng năm, theo yêu cầu của khách hàng và đồng thời có tìm hiểu, phân tích một số sản phẩm đầu tư sẽ triển khai mới xuất hiện trên thị trường, phòng kế hoạch phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan sẽ tiến hành nghiên cứu để cải tiến các sản phẩm cũ hoặc thử nghiệm đưa ra một số sản phẩm mới.

Bình quân mỗi năm Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú nghiên cứu đưa ra từ 3 đến 4 sản phẩm mới, với khả năng được khách hàng và thị trường chấp nhận cao.

Một số ví dụ điển hình đem lại doanh thu cao cho Công ty trong thời gian qua:

- Đi đầu trong việc sáng tạo chai PET 1 lớp chứa các loại thuốc bảo vệ thực vật thay cho các chai thủy tinh truyền thống;
- Nghiên cứu đưa ra thị trường sản phẩm chai PET 3 lớp thay thế cho các chai PET 1 lớp trước đây làm cho thuốc bảo vệ thực vật bị thẩm thấu;
- Thiết kế sản phẩm vỏ bình ắc-quy nhựa, hiện thay thế được khoảng 30% lượng hàng nhập khẩu. Do đó, Công ty đã thu hút được lượng lớn đơn đặt hàng từ các công ty sản xuất ắc-quy như Công ty Pin Ắc-quy Miền Nam, Công ty ắc-quy Đồng Nai, …

6.7 Tình Hình Kiểm Tra Chất Lượng Sản Phẩm:

Hiện tại, Công ty đang áp dụng quy trình quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Do có thiết bị hiện đại và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Công ty có thể sản xuất những sản phẩm cao cấp sử dụng cho ngành thực phẩm, nông nghiệp… Công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm (trực thuộc Phòng Kỹ thuật) ở từng khâu trong quá trình sản xuất để thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm ngay khi còn đang sản xuất, đảm bảo uy tín và chất lượng.

6.8 Hoạt Động Marketing:

- Thường xuyên tiếp cận và lắng nghe ý kiến từ các khách hàng sử dụng các sản phẩm của Công ty nhằm nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, qua đó phục vụ khách hàng được tốt hơn.
- Liên tục cải tiến để tăng cường giá trị sử dụng cho từng sản phẩm.
- Đánh giá thị trường đúng cả về diện rộng và chiều sâu, thu thập nhiều thông tin để xác định tuổi đời cho từng loại sản phẩm để có kế hoạch đầu tư phù hợp.
- Xây dựng mô hình sản phẩm phát triển theo hình chóp: Các sản phẩm đòi hỏi kỹ thuật cao thì sản lượng ít nhưng tỉ suất lợi nhuận cao, tạo sự phát triển về chiều sâu, phục vụ nhóm sản phẩm cao cấp. Các sản phẩm thông dụng sản lượng lớn, doanh thu lớn, tỉ suất lợi nhuận thấp nhưng tạo sự ổn định cho sản xuất và các hoạt động của Công ty.

Đặc thù sản phẩm của Công ty là tư liệu sản xuất cho các ngành sản xuất sản phẩm khác nên khách hàng của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chứ không phải là khách hàng tiêu dùng cá nhân, từ đó hoạt động quảng cáo và tiếp thị của Công ty cũng có tính đặc thù riêng so với những đơn vị sản xuất khác. Hiện nay, Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường chủ yếu thông qua khách hàng của Công ty là các doanh nghiệp sản xuất. Trên cơ sở những góp ý và yêu cầu thiết thực của khách hàng về mẫu mã, kiểu dáng và tính năng kỹ thuật của từng loại sản phẩm,

Công ty sẽ có những nghiên cứu cải tiến sản phẩm cũ hoặc đưa ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tham gia các hội chợ triển lãm đặc biệt là các hội chợ triển lãm chuyên ngành như : Hội chợ triển lãm Sài Gòn Expo, hội chợ hàng công nghiệp Việt Nam, Hội chợ Bộ khoa học và công nghệ, Hội chợ kinh tế Quốc Tế… nhằm tìm kiếm các cơ hội quảng bá thương hiệu thông qua các đơn vị sản xuất tham gia hội chợ. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng Website (www.tanphuplastic.com) để giới thiệu và quảng cáo các sản phẩm của Tân Phú đến các đối tượng khách hàng.

6.9 Nhãn Hiệu Thương Mại, Đăng Ký Phát Minh Sáng Chế và Bản Quyền:

Logo công ty:

Nhãn hiệu hàng hóa của Công ty được đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam số 54024 theo quyết định số A1951/QĐ-ĐK ngày 6/5/2004 và được cấp lại theo quyết định số 141/QĐ-ĐK ngày 30/6/2005. Nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được bảo hộ tổng thể.

6.10 Các Hợp Đồng Lớn Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết:

ĐVT: 1.000 vnđ

STT	Khách hàng	Giá trị	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Sản phẩm
1	CTy TNHH NESTLE-VN	8.000.000	01/01/2010	31/12/2010	Chai 3 lớp, chai PET
2	CTy CP Nước Khoáng Vĩnh Hảo	4.800.000	01/01/2010	31/12/2010	Két, chai PET
3	Cty NGK Quốc Tế PEPSICO VN	5.000.000	01/01/2010	31/12/2010	Két
4	CTy CP Khử Trùng Việt Nam	8.400.000	01/01/2010	31/12/2010	Chai 3 lớp, chai PET
5	CTy TNHH MTV TM SABECO	14.500.000	01/01/2010	31/12/2010	Két
6	CTy GOLDEN HOPE -Nhà Bè	6.800.000	01/01/2010	31/12/2010	Chai PET
7	Công Ty CP NICOTEX(Bộ QP)	7.200.000	01/01/2010	31/12/2010	CAL, Chai 3 Lớp, PET
8	CTy CP Dầu Thực Vật Bình An	4.000.000	01/01/2010	31/12/2010	Chai PET
9	Cty CP Pin ắc-quy Miền Nam	40.000.000	01/01/2010	31/12/2010	Vỏ bình ắquy
10	MAP-PACIFIC.Co,Ltd	10.000.000	01/01/2010	31/12/2010	Chai 3 lớp, chai PET
11	CN CT TNHH NGK COCA VN Hà Nội	11.000.000	01/01/2010	31/12/2010	Két
12	CN Cty Nhựa VN XNTMDV Nhựa số 1	10.400.000	01/01/2010	31/12/2010	Nguyên liệu nhựa
12	Cty TNHH SXTM Nhựa Nguyên Thái Bình	14.400.000	01/01/2010	31/12/2010	Nguyên liệu nhựa
13	Cty TNHH Nhựa Tân Doanh Phát	5.200.000	01/01/2010	31/12/2010	Nguyên liệu nhựa
13	Cty TNHH MTV Đại Hưng Quang	5.600.000	01/01/2010	31/12/2010	Nguyên liệu nhựa
14	Cty TNHH Nhựa Duy Tân	10.400.000	01/01/2010	31/12/2010	Nguyên liệu nhựa
	Tổng giá trị	**165.700.000**			

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Hiện tại, ngoài thời gian tạm ngưng chạy máy để thay khuôn sản phẩm, hoặc thực hiện những công việc bảo trì, sữa chữa cần thiết nhằm duy trì và nâng cao tuổi thọ cho máy móc thiết bị, những hợp đồng hiện tại đang giữ nhà máy của Công ty vận hành ở công suất hiệu quả khoảng 85%-90%.

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT VÀ QÚY 1 NĂM 2010

7.1 Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh;

Trong năm 2009, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TAPLAST tiếp tục có những bước phát triển ổn định và bền vững với doanh thu thuần đạt 244,7 tỷ đồng đạt 88,7% so với năm 2008, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ Tiêu	Năm 2008	+ / - so 2007	Năm 2009	+ / - so 2008	Q1 Năm 2010
Tổng giá trị tài sản	85.542.068.941	-2,76%	126.514.009.523	24,96%	119.491.514.079
Doanh thu thuần	181.735.262.933	15,31%	244.733.434.535	88,73%	75.054.725.465
LN từ HĐ SXKD	765.583.226	-83,80%	5.735.407.180	45,33%	1.706.820.050
Lợi nhuận khác	4.871.907.080	n/a	0	-100,00%	550.742.985
Lợi nhuận trước thuế	5.637.490.306	19,33%	5.735.407.180	43,58%	2.257.563.035
Lợi nhuận sau thuế	3.545.019.853	-14,71%	4.189.363.343	22,87%	1.688.054.407
Tỷ lệ trả cổ tức	13%	0,00%	13%	0,00%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009, và báo cáo Q1 năm 2010)

Trong những năm gần đây, Công ty luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu cao thể hiện trong năm 2009 đạt 88,7% do hiệu quả mang lại của việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, tăng cường mở rộng hệ thống phân phối và phát triển sản phẩm mới.Tuy nhiên, trong năm 2008 do ảnh hưởng tình hình kinh tế nói chung đã làm cho tỷ lệ tăng của doanh thu chỉ tăng 15% so với năm 2007. Các chi phí hoạt động kinh doanh cũng giảm đáng kể nhờ vào việc áp dụng chính sách quản lý chi phí hiệu quả và sử dụng tốt nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu trong quá trình hoạt động kinh doanh.

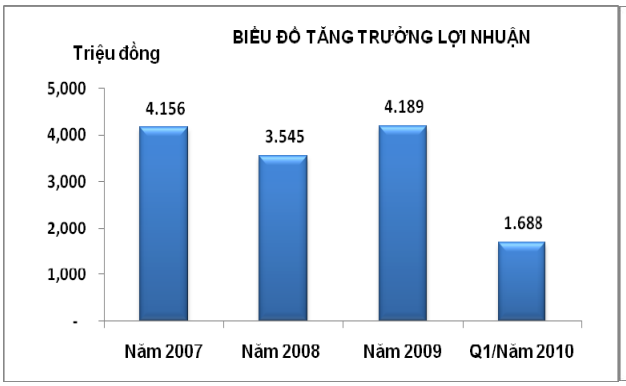

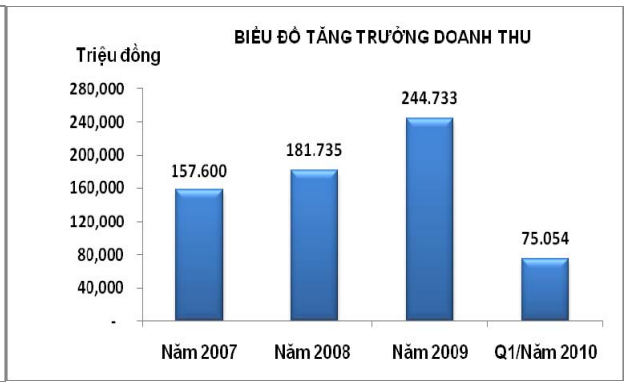

7.2 Những Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động SXKD của Công ty:

Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định và phát triển ở tất cả các ngành kinh tế trong đó có ngành sản xuất nhựa với mức tăng trưởng khoảng 20%/năm;
- Thương hiệu nhựa Tân Phú đã tồn tại hơn 30 năm và được nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước thuộc các ngành công nghiệp chế biến như: thực phẩm, tiêu dùng… biết đến với sản phẩm đạt chất lượng cao;
- Máy móc thiết bị hiện đại đảm bảo cho Công ty sản xuất ra sản phẩm đạt chất lượng cao và ổn định, giảm sản phẩm hỏng cũng như hao hụt trong quá trình sản xuất;
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa và khuôn mẫu các loại;
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vì thế đáp ứng được yêu cầu về chất lượng của nhiều Công ty nước ngoài; và
- Việc quản lý chí phí sản xuất của Công ty bước đầu mang lại kết quả khả quan, làm tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm của Công ty.

Khó khăn:

- Trước đây mức độ cạnh tranh mặc dù gay gắt nhưng còn là cuộc cạnh tranh trên sân nhà giữa các doanh nghiệp Việt Nam với nhau. Nay với các chính sách hòa nhập nền kinh tế toàn cầu, chắc chắn sự cạnh tranh còn gay gắt hơn gấp bội
- Ít nhất trong vòng 5, 6 năm nữa các nhà sản xuất ở Việt Nam vẫn phải dựa vào nguyên liệu nhựa nước ngoài, mà nguồn này liên tục biến động theo chiều hướng tăng làm cản trở tới sức

cạnh tranh của sản phẩm nhựa với sản phẩm khác cũng như sự hạn chế với các thương vụ mang tính dài hạn

- Thị hiếu tiêu dùng trong một xã hội phát triển luôn đòi hỏi sự đổi mới, nếu không bắt kịp sẽ khó tồn tại và phát triển
- Doanh nghiệp trước mắt chưa tạo được nguồn tài chính tái đầu tư cao nên khả năng đi trước đón đầu trong đầu tư còn hạn chế.

8. VỊ THẾ CÔNG TY SO VỚI MỘT SỐ DOANH NGHIỆP KHÁC CÙNG NGÀNH

8.1 Tổng Quan Ngành Nhựa:

Tiềm năng phát triển ở thị trường nội địa

Trong 3 năm qua, ngành Nhựa đã đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 30%/năm. Tổng sản phẩm của ngành từ năm 2001- 2005 đã tăng từ mức 1,01 triệu tấn lên 1,65 triệu tấn. Hiện nay, mức tiêu thụ nhựa bình quân đầu người ở Việt Nam đạt mức 20 kg trong năm 2008 và đang phấn đấu đạt mức 40 kg vào năm 2010. Đây là mức rất khiêm tốn nếu so với Nhật Bản (80 kg/người), Tây Âu (100 kg) và thấp hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới (30 kg). Do đó, thị trường nội địa vẫn là một thị trường hứa hẹn và đầy tiềm năng tăng trưởng.

Mức tiêu thụ nhựa bình quân đầu người

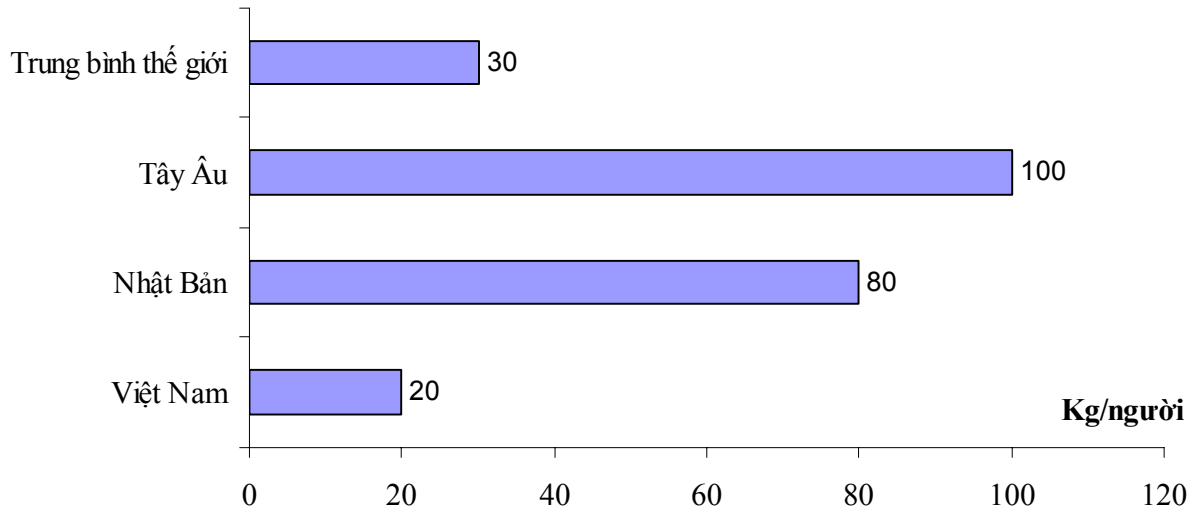

(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)

Sự lệ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam nhận định, sự lệ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu luôn là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp ngành nhựa. Hiện nay, mỗi năm ngành nhựa cần khoảng 1,5 triệu tấn nguyên phụ liệu, khi sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng được khoảng 300.000 tấn.

Thị trường cung cấp hạt nhựa chính của nước ta chủ yếu là khu vực Châu Á, chiếm khoảng 86% tổng khối lượng nhập khẩu, đứng đầu là Singapore, tiếp đến là Đài Loan, Thái Lan, Ấn Độ, Hàn Quốc. Các loại hạt nhựa chính được nhập về Việt Nam là nhựa PE, PP, PS và các chủng loại nhựa tái sinh.

Tổng Nguyên Liệu Nhựa Nhập Khẩu Qua Các Tháng 2005 – 2007

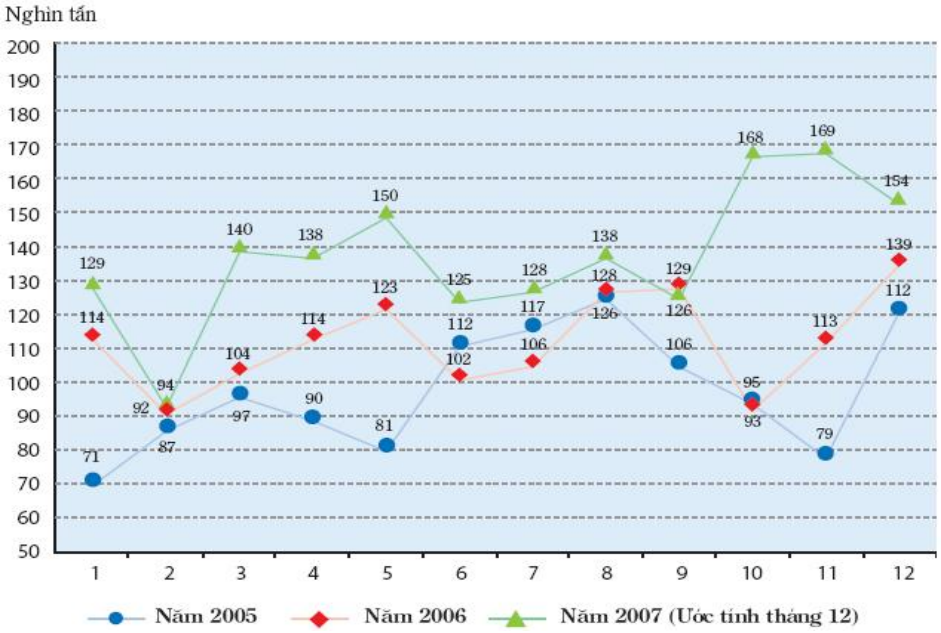

(Nguồn: Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn)

Trong điều kiện gần như toàn bộ nguyên liệu nhựa phải nhập khẩu từ nước ngoài, việc giá nguyên liệu nhựa tăng liên tục cùng với giá dầu thế giới (tăng trung bình $144/tấn so với 2006), cộng với sự bấp bênh của một số nguồn hàng, đã tạo sức ép không nhỏ trong quá trình sản xuất kinh doanh của ngành nhựa Việt Nam. Trong năm 2009 giá nguyên liệu nhựa giao động ở mức 1.100 USD đến 1.200 USD/tấn, giảm so với năm 2008 làm cho hiệu quả hoạt động kinh doanh ngành nhựa có phần tốt hơn. Tuy nhiên đến năm 2010 thì với sự phục hồi của nền kinh tế và sự tăng lên của giá dầu có thể là một khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành với giá nguyên liệu đầu vào tăng lên.

CƠ CẤU SẢN PHẨM NHỰA QUA CÁC NĂM

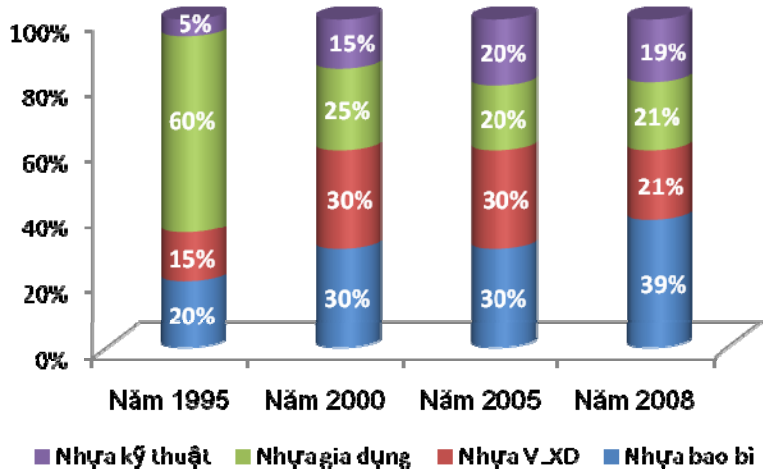

(Nguồn: Vinaplast)

Tăng Trưởng sản phẩm ngành nhựa đến năm 2010 (đơn vị: 1.000 tấn)

(Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam)

Tuy nhiên, ngành nhựa Việt Nam cũng phải nhìn vào thực tế qua việc tăng trưởng xuất khẩu chủ yếu đến từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan). Các

nước này chuyển sản xuất sang Việt Nam nhằm tránh thuế chống phá giá đối với các quốc gia trên đang được áp dụng tại Mỹ và Châu Âu cũng như chênh lệch thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ Trung Quốc. Vì hàng Việt Nam vào Châu Âu trả thuế ít hơn hàng Trung Quốc tối thiểu là 10%.

Tuy vậy, ngành Nhựa Việt Nam vẫn chưa đủ khả năng chiếm lĩnh thị trường một cách nhanh chóng, một phần là do giá sản phẩm nhựa trong nước cao hơn giá xuất khẩu nên thị trường trong nước mang lại lợi nhuận tốt hơn. Quan trọng hơn cả là ngành nhựa thiếu nguồn nguyên liệu tái sinh sạch để có thể hạ giá thành, trong khi các nước trong khu vực, thậm chí cả Singapore, việc nhập phế liệu sản xuất để tái sinh lại không có vấn đề, đây là điều rất khó khăn ở Việt Nam.

Ngoài ra, doanh nghiệp Nhựa Việt Nam cần tập trung chuyển đổi cũng như cải tiến và hiện đại hóa công nghệ và thiết bị để hướng đến việc xuất khẩu có giá trị tăng cao, hạ chi phí sản xuất, đồng thời tăng cường các biện pháp đào tạo cũng như quản lý người lao động (sản xuất tinh gọn – lean manufacturing, 6 Sigma…).

Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trong năm 2009, tốc độ tăng trưởng của ngành nhựa đạt hơn 15% so với năm 2008, tăng gấp đôi so với mức độ tăng trưởng GDP của năm 2009 là 5,32%. Kinh tế năm 2010 dự đoán vẫn còn nhiều khó khăn nên sự đột phát về tăng trưởng của ngành nhựa là khó có thể xảy ra tuy nhiên mức duy trì khoản tăng trưởng như trong năm 2009 là có khả năng thực hiện được.

Tăng Trưởng Xuất Khẩu Ngành Nhựa (Triệu USD)

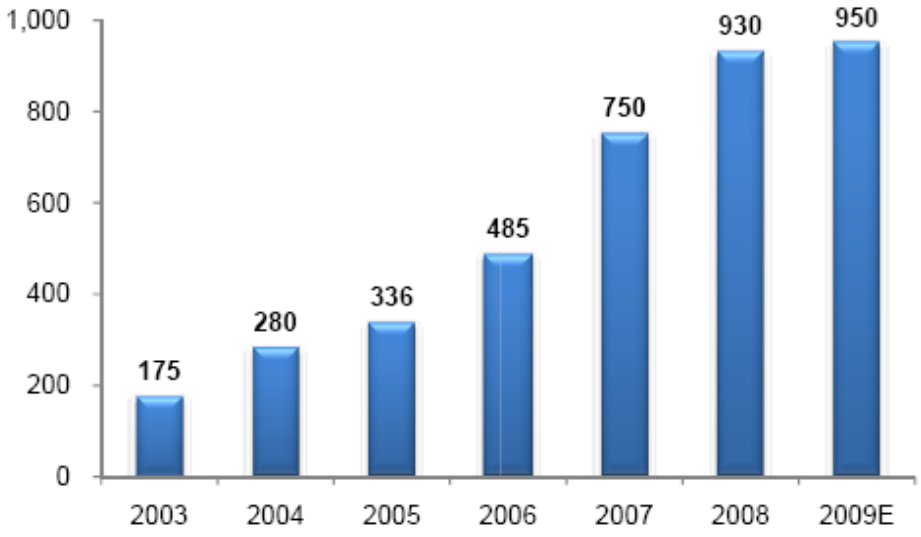

(Nguồn: Vinaplast)

Trong tổng số kim ngạch xuất khẩu của ngành trong năm 2007 là $750 triệu, phần tăng trưởng do tăng về sản lượng chiếm khoảng 56,1% và phần tăng do giá nguyên liệu khoảng 44%. Trong năm 2009 ty không tăng mạnh nhưng ngành nhựa cũng có xu hướng tăng lên. Để có thể duy trì được tốc độ phát triển xuất khẩu bền vững của ngành cần phải đưa vào xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, đồng thời doanh nghiệp nhựa cần có các biện pháp đồng bộ để hạ giá thành sản xuất và gia tăng sức cạnh tranh của doanh nghiệp, trong tình hình lạm phát liên tục tăng cao.

Theo kết quả khảo sát của Cơ quan Khảo sát Nhật Bản (JICA) đa số các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm các doanh nghiệp nhựa, hiệu quả sử dụng năng lượng chưa bằng 1/3 của Nhật Bản, và kém Mỹ 2,7 lần. Ngay cả với các nước trong khu vực, để cùng làm ra một sản phẩm có giá trị như nhau phải tiêu tốn năng lượng hơn 1,5 – 1,7 lần so với Thái Lan, Trung Quốc và Malaysia.

8.2 Vị Thế Của Công ty Trong Ngành:

Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú qua hơn 30 năm phát triển đã từng bước ổn định và vững tiến để trở thành một trong các nhà sản xuất và cung ứng hàng đầu trong cả nước về các loại sản phẩm nhựa. Ngoài ra Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tự hào là một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực sản xuất chai PET các loại dùng trong các ngành thực phẩm, nước uống đóng chai, đặc biệt là các loại chai PET và chai đa lớp cho ngành Bảo vệ thực vật. Ngoài ra Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú cũng là một trong những đơn vị đầu tiên ở Việt Nam chuyên sản xuất và cung ứng các sản phẩm nhựa HDPE, PET, PP, ABS.... dùng cho các loại sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, thùng sơn, thùng đựng hải sản, dầu nhớt, bình ắcquy... có tên tuổi trong nước và xuất khẩu.

Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú đã tạo được uy tín lớn trên thị trường, các sản phẩm của công ty cổ phần Nhựa Tân Phú được tiêu thụ rộng rãi trên toàn quốc và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào và Campuchia, đồng thời cung cấp cho các tập đoàn đa quốc gia và các khách hàng quốc tế như Mỹ, Nhật, Úc...

Tại thị trường nội địa, khách hàng chủ yếu của TAPLAST là các doanh nghiệp sản xuất hàng công nghiệp điện – điện tử, tiêu dùng, Thực phẩm, nước uống, Dược phẩm, Bảo vệ thực vật, nông dược tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Những năm qua, Công ty đã định hướng đầu tư chiều sâu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về mẫu mã, đa dạng về tính năng sử dụng, bảo quản.

Một Số Sản Phẩm Chiếm Lĩnh Thị Phần Nội Địa

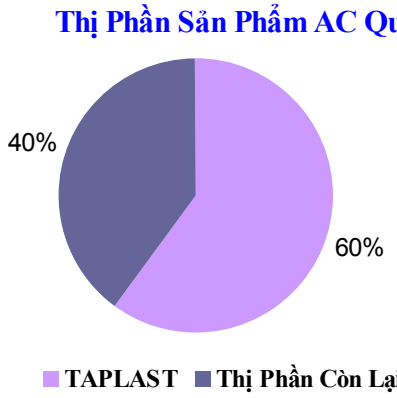

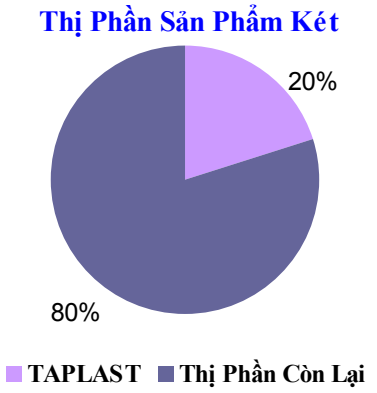

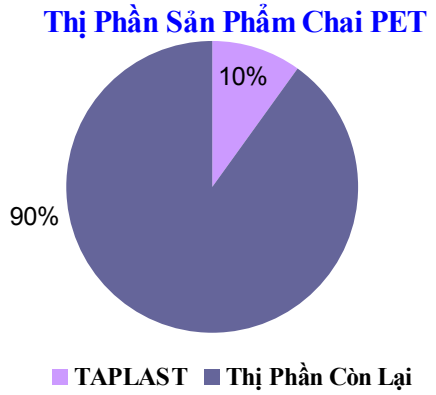

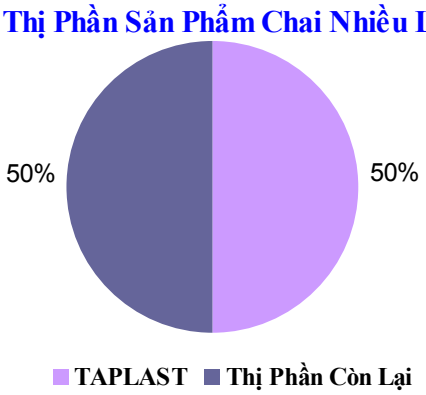

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Chiến Lược Thực Hiện Năm 2010-2011:

Sản xuất:

- Đẩy mạnh áp dụng các giải pháp quản lý tiên tiến và các hoạt động nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý sản xuất cùng với việc tiết kiệm các chi phí sản xuất để có được hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời siết chặt việc giữ gìn vệ sinh công nghiệp trong sản xuất với các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời;
- Thực hiện dự trữ nguyên liệu tồn kho hợp lý nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên liệu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại.

Hệ thống phân phối:

- Đánh giá tổng thể thị trường, phân khúc, lựa chọn công nghệ và sản phẩm phù hợp qua đó tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ ở phía Nam thông qua việc xây dựng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ;
- Đối với thị trường phía Bắc, hệ thống phân phối sẽ thông qua chi nhánh tại Hà Nội. Ngoài ra, Công ty cũng mở rộng nhà máy sản xuất tại phía Bắc nhằm giảm chi phí và thời gian vận chuyển sản phẩm từ nhà máy phía Nam, qua đó sản phẩm nhựa Tân Phú có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác tại khu vực phía Bắc;
- Thông qua nhiều kênh thông tin và áp dụng phương thức kinh doanh trên mạng, Công ty sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu từ khu vực Đông Nam Á ra một số thị trường mới như: Mỹ, Nhật, Đức…

Đầu tư:

- Thực hiện việc đầu tư một cách có chọn lọc, vừa có chiều sâu vừa đảm bảo đồng bộ, kịp thời cho sản xuất và tăng công suất thiết bị. Tập trung đầu tư vào hoàn thiện và nâng cao chất lượng cho một số sản phẩm truyền thống để đủ sức cạnh tranh trên thị trường;
- Tiếp tục đầu tư thêm các máy móc công cụ để chủ động hơn trong sửa chữa và chế tạo khuôn mẫu tại Công ty;
- Bước đầu xây dựng 2 chi nhánh mới để mở rộng thị trường, tìm kiếm sản phẩm mới, đồng thời qua đó sẽ tiến hành nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu về chủng loại, chất lượng sản phẩm để có được sự đầu tư và hướng đi phù hợp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài chính:

Nguồn vốn hoạt động là yếu tố quan trọng đối với doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn đầu tư phát triển, chiếm lĩnh thị phần. Để giải quyết nhu cầu vốn trong hiện tại và thực hiện các kế hoạch trong tương lai, Công ty sẽ tập trung vào một số biện pháp thu hút vốn sau:

- Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng và công nợ của từng khách hàng;
- Tính toán và đưa ra mức dự trữ hàng hóa và nguyên vật liệu hợp lý;
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao để tái đầu tư;
- Vay vốn ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư lớn;
- Cân đối nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu một cách hợp lý.

Nhân lực:

- Xây dựng và áp dụng quy chế lương, thưởng phù hợp nhằm khuyến khích người lao động làm việc tốt hơn và đóng góp nhiều hơn cho Công ty
- Thu hút thêm nhân sự có năng lực
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân
- Đào tạo kỹ năng quản lý mới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt

Chiến lược của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú phù hợp với định hướng phát triển chung của Việt Nam nói chung và ngành nhựa ở Việt Nam nói riêng.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1 Chính Sách Đào Tạo:

Hàng năm tùy theo nhu cầu công việc, Công ty sẽ đưa người đi đào tạo để đáp ứng nhu cầu công việc, đến thời điểm hiện tại tổng số lao động trong Công ty là 294 người.

9.2 Chính Sách Tiền lương:

Áp dụng bảng lương theo Nghị Định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ và bảng lương năng suất của Công ty để chi trả cho người lao động. Hiện tại, thu nhập bình quân của người lao động đạt mức 3.300.000 đồng/người/tháng.

9.3 Chính Sách Tiền Thưởng:

Người lao động được trả tiền thưởng theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty đã được Đại hội Công nhân viên chức thông qua. Hàng năm có nhiều đợt thưởng như: Tết Dương Lịch, Lễ 30/04, 6 tháng đầu năm, Lễ 02/9, 6 tháng cuối năm, Tết Nguyên Đán…

Cơ cấu lao động đến ngày 31/03/2010

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	***Phân theo trình độ lao động***	***400***	***100%***
	Trên đại học và đại học	51	*12,75%*
	Cao đẳng và trung cấp	48	*12,00%*
	Công nhân kỹ thuật	19	*4,75%*
	Lao động phổ thông	282	*70,50%*
2	***Phân theo hợp đồng lao động***	***400***	***100%***

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Không thời hạn	259	*64,75%*
	Có thời hạn	55	*13,75%*
	Thời vụ	86	*21,5%*
3	***Phân theo đối tượng lao động***	***400***	***100%***
	Lao động trực tiếp	275	*68,75%*
	Lao động gián tiếp	125	*31,25%*
Tổng Cộng		**400**	**100%**

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Chỉ Tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Dự kiến 2010
Tỷ lệ trả cổ tức trên mệnh giá	**13%**	**13%**	**13%**	**>= 10%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

11.1 Các Chỉ Tiêu Cơ Bản:

Trích khấu hao TSCĐ:

Công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 12/12/2003. Thời gian khấu hao được áp dụng tại Công ty cho các nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, Vật kiến trúc	11-25
Máy móc thiết bị	8-11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-11
Dụng cụ quản lý	3-5

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Thu nhập bình quân:

Hiện nay thu nhập bình quân đầu người của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú là 3.300.000đồng/người/tháng, nằm ở mức thu nhập bình quân ngành.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

Trích lập các quỹ theo quy định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Tình hình trích lập các quỹ năm 2006, 2007,2008 và năm 2009 như sau:

ĐVT: VND'000

Các Quỹ	31/12/2007	31/12/ 2008	31/12/2009	31/03/2010
Quỹ dự phòng tài chính	330.345	500.422	677.208	883.063
Quỹ đầu tư phát triển	1.284.674	2.039.547	2.204.020	2.410.404
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.293	183.861	68.749	189.722

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Tổng dư nợ vay:

Tổng dư nợ vay đến 31/03/2010: **52.478.934.814 đồng**. Cụ thể:

Vay ngắn hạn:

ĐVT: VND'000

Ngân hàng	Lãi suất / Năm	Dư nợ 31/03/2010
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển SGD II	14,00%	9.675.236.848
Vay các đối tượng khác	14,00%	2.739.000.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi Nhánh Đông Sài Gòn	14,00%	9.488.576.587
Ngân hàng TMCP VietBank	15,00%	5.000.000.000
Ngân hàng TNHH HSBC	12,00%	13.528.915.460
Vay tiền USD NH Đầu Tư Phát Triển Viết Nam	7,00%	8.822.886.407
Nợ dài hạn đến hạn trả		3.224.319.512
Tổng Cộng		**52.478.934.814**

(Nguồn: CTCP Nhựa Tân Phú)

Các khoản vay của Tân Phú được các ngân hàng cho vay dưới hình thức tín chấp.

Vay dài hạn:

ĐVT: VND'000

Hợp Đồng Vay	Lãi suất %/Tháng	Thời hạn (Tháng)	Ngày bắt đầu vay	Dư nợ vay 31/03/2010	Khoản trả nợ gốc từng kỳ	Thời hạn trả nợ gốc
QUỸ XOAY VÒNG (Thuộc quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển Tp.HCM)						
5/22/2006	0,33	60	02/06/2006	900.000	450.000	Ngày 26 quý (T1.4.7.10)
TECHCOMBANK						
8/17/2007	1,1	36	17/08/2007	984.762	60.639	Hàng tháng ngày 17
	1,1			198.000		Hàng tháng ngày 18
THUÊ MUA TC NHCT						
9/12/2008	10,5	48	22/09/2008	1.311.016	119.000	Hàng quý ngày 10
TỔNG CỘNG				**3.393.778**		

(Nguồn: CTCP Nhựa Tân Phú)

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được sử dụng với mục đích bổ sung vốn lưu động, chủ yếu là nhập khẩu và dự trữ nguyên vật liệu (hạt nhựa). Trong khi đó, các loại máy móc và trang thiết bị phục vụ cho sản xuất được tài trợ bởi nguồn vốn vay trung và dài hạn (2-5 năm).

Dựa vào mối quan hệ, kinh nghiệm và uy tín hoạt động hơn 30 năm trên thị trường, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú có ưu thế trong việc tìm kiếm và huy động vốn từ các ngân hàng cũng như các định chế tài chính khác với nhiều điều khoản ưu đãi:

- Được hưởng lãi suất ưu đãi và cố định thay vì thả nổi theo nhiều biến động bất lợi của thị trường vốn. Điều này giúp Công ty chủ động lập kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn;
- Năm 2006, Công ty đã được giải ngân 8 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ Doanh nghiệp của Thành phố HCM với lãi suất ưu đãi 4%/năm trong thời hạn 5 năm (từ năm 2006 đến 2010);
- Công ty đã đăng ký và nhận được văn bản của Quỹ Xanh (Thụy Sỹ) chấp thuận tài trợ không hoàn lại 25% (tương đương 34.000 USD) tổng số tiền đầu tư vào hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng, … trong chương trình Bảo vệ môi trường xanh của Quỹ này. Công ty đang lên kế hoạch chi tiết và đã được giải ngân vào quý 4 năm 2009.
- **Thuê mua đầu tư tài chính:**

Công ty hiện đang thực hiện hợp đồng thuê mua tài chính một số máy móc thiết bị dùng trong sản xuất tại nhà máy với Công ty Thuê mua tài chính của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh miền Nam. Giá trị còn lại tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2010 là 1.986.540.455 đồng.

Tỷ suất nợ vay trên tổng vốn hoạt động

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú có tỷ suất vay trên vốn 0,6 trong khi tỷ suất này đối với một số công ty nhựa đã được niêm yết trên HoSE hoặc HaSTC khoảng 0,2-0,5. Như vậy, tỷ suất nợ vay trên vốn hoạt động của Công ty là khá cao so với các công ty trong ngành do Công ty có quy mô vốn nhỏ. Đồng thời, trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú hơn 76% là vốn đầu tư của chủ sở hữu, chỉ 4% là thặng dư vốn cổ phần và 20% từ lợi nhuận giữ lại. Trong khi đó, phần vốn thặng dư của các công ty có tính đại chúng cao đã giúp giảm tỷ suất nợ vay của các công ty so sánh (đa số được niêm yết trên HoSE hoặc HaSTC).

Ngoài ra, chủ yếu các khoản vay của Công ty là khoản ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn nhập khẩu nguyên liệu nhựa dựa vào kế hoạch sản xuất của Công ty. Các dự án đầu tư lớn, mang tính dài hạn đều được tài trợ bởi nguồn vốn chủ sở hữu.

Tình hình công nợ:

Các khoản phải thu:

ĐVT: VND'000

Chỉ tiêu	31/12/08	31/12/09	31/03/10
Phải thu khách hàng	21.458.324	36.468.262	42.642.825
Trả trước cho người bán	633.341	9.343.771	11.276.572
Các khoản phải thu khác	1.013.286	1.614.123	735.304
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-152.551	-139.635	-139.635
Tổng Cộng	**22.952.400**	**47.286.521**	**54.515.065**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Các khoản trả trước cho người bán phần lớn là tiền trả cho nhà cung cấp nguyên vật liệu dung cho sản xuất.

Kỳ thu tiền bình quân

Kỳ thu tiền bình quân của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú tăng từ 49 ngày năm 2007 xuống còn 42 ngày năm 2008 và trong năm 2009 chỉ số này là 53 ngày. Kỳ thu tiền bình quân của ngành nhựa thường khá dài do đặc điểm sản xuất theo đơn đặt hàng cho các doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm nhựa làm tư liệu sản xuất. Do đó, việc thanh toán còn tùy thuộc tình hình kinh doanh và khả năng thanh toán trong ngắn hạn của các khách hàng này.

Vòng quay nợ phải thu của Công ty khá tốt so với các Công ty trong ngành và khả năng dự phòng nợ phải thu khó đòi rất thấp vì đa số khách hàng của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú đã ký hợp đồng đặt hàng hoặc hợp đồng nguyên tắc dài hạn nên có kế hoạch chi trả khá ổn định. Đồng thời, đây là những khách hàng có lịch sử chi trả tốt và có kế hoạch hợp tác lâu dài với Công ty.

Các khoản phải trả:

ĐVT: VND'000

Chỉ tiêu	31/12/08	31/12/09	31 tháng 3 năm 2010
Nợ Ngắn Hạn	**51.163.002**	**89.520.817**	**81.018.239**
Vay và nợ ngắn hạn	40.509.548	66.947.279	52.478.935
Phải trả cho người bán	5.650.103	13.080.402	14.077.750
Người mua trả tiền trước	529.970	498.923	4.183.574

Chỉ tiêu	31/12/08	31/12/09	31 tháng 3 năm 2010
Thuế và các khoản phải nộp NN	1.506.682	1.408.949	1.941.709
Phải trả công nhân viên	1.694.917	3.044.866	2.975.266
Chi phí phải trả	233.894	2.606.277	2.643.534
Phải trả phải nộp khác	1.037.888	1.934.121	2.527.750
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	68.750	189.722
Nợ Dài Hạn	**5.512.826**	**3.686.114**	**3.534.599**
Vay và nợ dài hạn	5.512.826	3.686.114	3.393.779
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	140.820
Tổng Cộng	**56.675.828**	**93.206.931**	**84.552.838**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Khoản **Phải trả công nhân viên** chính là khoản Quỹ lương của Công ty tại từng thời điểm.

Từ năm 2007 đến năm 2008, Công ty sẽ chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp 50% so với thuế suất hiện hành. Từ năm 2009 Công ty chịu mức thuế suất theo mức thuế hiện hành.

Dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty đã tốt lên rõ rệt do Công ty tăng cường kiểm soát và thu hồi các khoản nợ và đã tạo ra nguồn cung tiền mặt đáp ứng cho nhu cầu thanh toán và tồn trữ hàng tồn kho của Công ty trong ngắn hạn.

Khoản Chi phí phải trả

ĐVT: VND'000

Khoản mục chi tiết	31/12/08	31/12/09	31/03/10
Tiền thuê máy móc của Công ty Nhựa Việt Nam	1.928.341	1.934.639	1.660.035
Chi phí hoa hồng môi giới bán hàng	96,659	418.716	209.291
Chi phí thù lao HĐQT và BKS	79,747	245.059	107.985
Các chi phí khác	57,487	7.863	666.222
Tổng Cộng	**2.162.234**	**2.606.277**	**2.643.533**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Chi phí phải trả năm 2009 cao hơn so với năm 2008 là do tiền thuê máy móc mà Công ty phải trả cho Công ty Nhựa Việt Nam

Khoản Phải trả phải nộp khác :

ĐVT: VND'000

Khoản mục chi tiết	31/12/08	31/12/09	31/03/10
Kinh phí công đoàn phải nộp	115,561	87.697	177.149
Bảo hiểm xã hội	148,592	19.320	186.072
Các khoản phải trả và nộp khác	138,232	807.325	1.353.361
Tiền đặt cọc là khuôn sản xuất	635,502	1.019.779	811.168
Tổng Cộng	**1.037.887**	**1.934.121**	**2.527.750**

11.2 Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu:

Stt	Hệ số tài chính	2008	2009	31 tháng 3 năm 2010
I	**Chỉ tiêu khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,01	1,08	1,12
2	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,66	0,85	0,86
II	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản (lần)	0,66	0,74	0,71
2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu (lần)	2,06	2,90	2,50
III	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
1	Vòng quay hàng tồn kho (lần)	8,68	10,41	3,18
2	Doanh thu thuần / Tổng TS (lần)	2,12	1,93	0,63
IV	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi**			
1	Hệ số LNST / Doanh thu thuần	1,95%	1,71%	2,25%
2	Hệ số LNST / Vốn CSH	12,87%	13,05%	4,99%
3	Hệ số LNST / Tổng tài sản	4,14%	3,31%	1,41%

Stt	Hệ số tài chính	2008	2009	31 tháng 3 năm 2010
4	Hệ số LN từ HĐKD / DT Thuần	0,42%	2,34%	2,27%

(Nguồn: được tính dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và báo cáo Q1/ 2010)

Tình hình tài chính của Công ty thiên về cán cân nợ do hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi những mức đầu tư lớn cho nhập khẩu hạt nhựa nguyên liệu và máy móc sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ nợ trên vốn và nợ trên tổng tài sản khá cao trên 70% so với bình quân ngành hiện nay là 58%-60%. Tuy nhiên tỷ lệ này cũng đã giảm dần do Công ty cũng đang tiến hành từng bước cân đối lại tình hình tài chính, đồng thời việc sử dụng nguồn tiền hợp lý đầu tư cải tiến máy móc thiết bị đã tăng hiệu quả sử dụng vốn của TAPLAST. Với cơ cấu tài chính này, công ty sẽ phải chịu gánh nặng về lãi vay trong tình hình kinh tế Việt Nam hiện nay. Tính thanh khoản của Công ty khá thấp tuy nhiên vẫn ở mức an toàn với hệ số thanh toán ngắn hạn và thời điểm cuối quý 1 năm 2010 là 1,12 và hệ số thanh toán nhanh là 0,86.

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều biến động trong những năm vừa qua. Điều này thể hiện qua chỉ số hệ số lợi nhuận sau thuế trên các chỉ tiêu trong năm 2009 so với năm 2008. Chỉ riêng chỉ số LNST/ VCSH tăng từ 12,87% năm 2008 tăng lên 13,05% năm 2009 do trong năm 2008 tình hình kinh tế khó khăn chung của thế giới cũng như của Việt Nam đã tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên đến cuối năm 2009 tình hình kinh tế nói chung có phần ổn định hơn tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty có xu hướng đi lên đến cuối quý 1 năm 2010 chỉ số này ở mức 1,41%. Doanh thu trên tổng tài sản vẫn giữ ổn định chứng tỏ năng lực kinh doanh của công ty đạt hiệu quả tốt, mức đầu tư hợp lý và hiệu quả, năm 2009 tỷ số doanh thu trên tổng tài sản là 1,93 tuy nhiên đến cuối quý 1 năm 2010 chỉ số này thể hiện cao ở mức 0,63 lần. Tương tự như các Công ty khác hoạt động trong ngành nhựa, vòng quay hàng tồn kho của Công ty khá chậm do chính sách trữ hạt nhựa của Công ty để tránh những biến động về giá nguyên vật liệu, gây ảnh hưởng đến lợi nhuận kinh doanh.

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1 Hội Đồng Quản Trị:

Chủ Tịch HĐQT

Họ và tên:	NGUYỄN VĂN HÙNG
Số CMND:	020038172
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/01/1952
Nơi sinh:	Đại Phúc, Quế Võ, Hà Bắc
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú:	182 Pasteur, P Bến Nghé, Quận 1, TpHCM
Điện thoại:	8654133
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Công nghiệp, tốt nghiệp bằng sư phạm
Quá trình công tác:	Cán bộ Phòng Tổ chức – Lao động, Phụ trách VP Công ty Nhựa Phía Nam; Phó văn phòng Liên hiệp SX-XNK Nhựa, Giám đốc Chi nhánh DV SX-XNK nhựa; Giám đốc Công ty Nhựa Tân Thuận; Tổng Giám đốc Công ty Nhựa Tân Phú
Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Nhựa Việt Nam; Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Tân Phú.

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Nhựa Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ:	158.886 cổ phần
Những người có liên quan giữ cổ phiếu:	Em ruột Nguyễn Thị Ly, Phó Tổng Giám đốc CTCP Nhựa Tân Phú sở hữu 8.750 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	không

Thành Viên HĐQT

Họ và tên:	NGÔ ĐỨC TRUNG
Số CMND:	023321068
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/07/1965
Nơi sinh:	Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đại Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	217/C6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P,17, Q,Bình Thạnh
Điện thoại:	8654133
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác:	1987 - 1990 CB kỹ thuật XN Lắp máy 45 Trị An-ĐNai 1990 - 3/1992 CB kỹ thuật XN khoa học sản xuất Giấy 3/1992 - nay Làm việc tại CTCP Nhựa Tân Phú qua các công việc: Cán bộ kỹ thuật, Quản đốc xưởng cơ điện, Phó giám đốc Kỹ thuật, Giám đốc
Chức vụ hiện tại:	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ:	177.412 cổ phần
Những người có liên quan giữ cổ phiếu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Thành Viên HĐQT

Họ và tên:	HỒ CÔNG THIỆN
Số CMND:	024528115
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1971
Nơi sinh:	Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê Quán:	Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	2/8 Đường 36, P,Hiệp Bình Chánh, Q,Thủ Đức, TpHCM
Điện thoại:	8609003 - 8609729
Trình độ văn hoá :	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Hóa Polymer
Quá trình công tác:	Công tác tại công ty với các chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật, Quản đốc phân xưởng, Trưởng phòng quản lý sản xuất, Trưởng phòng kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh
Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ:	50.962 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Thành Viên HĐQT

Họ và tên:	THƯỢNG THỊ NGỌC TUYẾT
Số CMND:	021788876
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	23/12/1968
Nơi sinh:	Sài Gòn
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bến Tre
Địa chỉ thường trú:	40 Đường 46 phường Tân Tạo Quận Bình Tân, Tp,HCM
Điện thoại:	8609003
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân Kinh Tế.
Quá trình công tác:	1990 – 1993 Nhân viên kế tóan Công ty INEXIM, 1993 – 2004 NV phụ trách, Trưởng phòng Tài chính Kế tóan 2005 – nay Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ:	50.536 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Thành Viên HĐQT

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC NHỰT
Số CMND:	023828088
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	29/11/1970
Nơi sinh:	Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Định
Địa chỉ thường trú:	124 Chung cư Cô Giang, phường Cô Giang, Q1, TpHCM.
Điện thoại:	0908003339
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân QTKD
Quá trình công tác:	
Chức vụ hiện tại:	Trưởng phòng KHĐT Công ty CP Nhựa Việt Nam, Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Tân Phú

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng KHĐT Công ty CP Nhựa Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ: 571.425 cổ phần

Trong đó:

Sở hữu cá nhân: 16.800 cổ phần

Đại diện Công ty CP Nhựa Việt Nam là: 554.625 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

12.2 Ban Kiểm Soát:

Ban Kiểm Soát gồm 3 thành viên: trưởng BKS và 2 thành viên BKS

Trưởng BKS

Họ và tên:	TRẦN HỒNG PHONG
Số CMND:	024449503
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/12/1952
Nơi sinh:	Hà Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nam
Địa chỉ thường trú:	293/3 Ung Văn Khiêm, P. 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Điện thoại:	8609003
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân văn hóa, Trung cấp cơ điện
Quá trình công tác:	
01/1988 – 04/2005:	Quân đoàn 4, Bộ Quốc phòng
05/2005 – 03/2006:	Kế toán Công ty CP Nhựa Tân Phú
03/2006 – 06/2008:	Làm việc tại Công ty cổ phần nhựa Việt Nam
0/2008 – nay :	Chánh văn phòng, Chủ tịch Công Đoàn, trưởng BKS Công ty Cổ phần Nhựa tân Phú

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ:	9.587 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật :	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Thành Viên BKS

Họ và tên:	TRẦN NGỌC HÙNG
Số CMND:	212081382
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	11/6/1979
Nơi sinh:	Đức Chánh, Mộ Đức, Quảng Ngãi
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	149/20 Lê Văn Thọ, P.8, Q. Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại:	38609003
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ tài chính
Quá trình công tác:	
2001 - 2004:	CP. Group, Kế Toán Tổng Hợp
2004 – 2005:	Công ty TNHH UhlSystem VN, Kế Toán Trưởng
2005 - 2007:	Cty Liên doanh Mercedes-Benz VN, Phó phòng kiểm soát tài chính
11/2007 – nay	Công ty CP Chứng khoán Bản Việt: Chuyên viên cao cấp Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp. Thành viên BKS Công ty Cổ phần Nhựa tân Phú

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên cao cấp Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp Công ty CP chứng khoán Bản Việt

Số cổ phần nắm giữ : 75.337 cổ phần

Trong đó:

Sở hữu cá nhân:	không cổ phần
Đại diện cho Bà. Hoàng Thị Lý là:	75.337 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

Thành Viên BKS

Họ và tên:	TRẦN VĂN TIẾN
Số CMND:	024918750
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/08/1973
Nơi sinh:	Hải Dương
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoàng Gia, Cẩm Vũ, Cẩm Giàng, Hải Dương
Địa chỉ thường trú:	333/8 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
Điện thoại:	8654133
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Điện
Quá trình công tác:	Nhà máy nhựa Tân Phú; CTCP Nhựa Tân Phú
Chức vụ hiện tại:	Quản Đốc Phân Xưởng I, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ:	14.336 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không

12.3 Ban Giám Đốc:

Ban Giám đốc có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia HĐQT

- NGÔ ĐỨC TRUNG Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT (chi tiết xem ở phần 12.1)
- HỒ CÔNG THIỆN Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT (chi tiết xem ở phần 12.1)
- THƯỢNG THỊ NGỌC TUYẾT Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT *(chi tiết xem ở phần 12.1)*

12.4 Kế Toán Trưởng:

- THƯỢNG THỊ NGỌC TUYẾT Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT (chi tiết xem ở phần 12.1).

13. TÀI SẢN

Tài sản thuộc sở hữu của Công ty tới thời điểm 31/3/2010 cụ thể như sau:

ĐVT: VND'000

Tài Sản	Nguyên giá	Khấu hao	Còn lại
Nhà cửa vật kiến trúc	5.900.586	3.648.378	2.252.208
Máy móc thiết bị	54.124.751	37.105.541	17.019.210
Phương tiện vận tải	3.550.462	2.171.649	1.378.813
Dụng cụ quản lý	375.148	229.461	145.687
Tài sản cố định vô hình	7.011.345	249.237	6.762.108
Chi phí XDCB dỡ dang	0	0	1.117.321
Tổng Cộng	**70.962.292**	**43.404.266**	**27.558.026**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Giá trị tài sản vô hình chủ yếu là quyền sử dụng đất tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, diện tích sử dụng là 14.648 m2, thời gian sử dụng đến 25/04/2057.

Tài sản thuê ngoài:

TSCĐ thuê ngoài: 7.138.210.000

Công ty thuê hoạt động một số thiết bị sản xuất dùng trong ngành nhựa của Công ty Nhựa Việt Nam với thời hạn thuê là 12 - 15 năm.

Tình hình đất đai nhà xưởng:

- Hiện tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất 6.329,4 m2 theo quyết định số 4821/QĐ-UBND ngày 16/09/2005 của UBND TPHCM về việc thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại số 323 (nay là 314) Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú cho Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Cụ thể như sau:

Địa điểm	Diện tích	Thời hạn	Ghi chú
314 Lũy Bán Bích, Quận Tân Phú, Tp.HCM	6.329,4 m^2	Đến 2010	Trả tiền thuê hàng năm

- TAPLAST sở hữu **14.648 m^2 tại Lô C16 thuộc Cụm Công nghiệp Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An**
- Căn cứ và hợp đồng nguyên tắc số 25/HĐNT.2008 TP-CQ ngày 17/01/2008, TAPLAST tiếp nhận quyền sử dụng lô đất **13.949,8 m^2 tại Cụm công nghiệp xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh với thời hạn thuê 50 năm** và TAPLAST có nghĩa vụ phải trả lại cho bên chuyển nhượng số tiền đầu tư vào lô đất với tổng giá trị là 4.387.494.000 đồng.

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC 2010 - 2011

14.1 Phân Tích Điểm Mạnh, Điểm Yếu, Cơ Hội và Nguy Cơ (phân tích SWOT)

Điểm mạnh:

- Thương hiệu nhựa Tân Phú với thâm niên hơn 30 năm và là công ty đi đầu trong lĩnh vực sản xuất chai PET các loại dùng trong ngành thực phẩm, nước uống đóng chai, đặc biệt là chai nhiều lớp cho ngành Bảo vệ thực vật. Đây là lợi thế rõ ràng nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú so với những đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong ngành sản xuất chai, két, thùng nhựa là những Công ty tư nhân mới thành lập;
- Máy móc thiết bị hiện đại, đồng bộ với số lượng lớn đảm bảo cho Công ty sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao và ổn định, giảm tỷ lệ phế liệu và hao hụt trong quá trình sản xuất ;
- Dây chuyền sản xuất của Công ty hiện nay khá hiện đại, đảm bảo cho Công ty có thể tăng sản lượng trong tương lai ;
- Tình hình tài chính lành mạnh, giúp Công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dự trữ nguyên vật liệu, đầu tư trang thiết bị hiện đại ;
- Với việc nhà máy mới sẽ đi vào hoạt động tại Long An, Công ty sẽ sở hữu được mặt bằng sản xuất và nhà kho rộng, qua đó đảm bảo cho Công ty tăng lượng hàng dự trữ khi tình hình thị trường biến động cũng như đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho việc mở rộng quy mô, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh ;
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhiều kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Công ty.

Điểm yếu:

- Tương tự như các công ty hoạt động trong ngành nhựa, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và phần lớn nguyên vật liệu của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài nên biến động giá cả của nguyên vật liệu trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Thị trường xuất khẩu đầy tiềm năng vẫn chưa được Công ty quan tâm;

- Việc đầu tư máy móc thiết bị để nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư sản xuất sản phẩm mới có chất lượng cao để cạnh tranh với các công ty nhựa khác còn khó khăn do quy mô vốn của Công ty còn ở mức trung bình so với các doanh nghiệp khác.

Cơ hội:

- Sự phát triển của ngành nhựa luôn đi liền với sự phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua tăng trưởng cao và ổn định. Theo dự đoán của các chuyên gia tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm tới cũng sẽ rất khả quan với 5 – 7%/năm và đó cũng là cơ hội cho ngành Nhựa phát triển.
- Thị trường trong nước (miền Bắc, miền Trung) và thị trường xuất khẩu nhiều tiềm năng vẫn chưa được khai thác hết là cơ hội để Công ty đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất.

Nguy cơ:

- Với tiềm năng phát triển rất hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường dẫn đến việc cạnh tranh ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, với việc Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) trong thời gian tới, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ mạnh đến từ Trung Quốc, Thái Lan...
- Các doanh nghiệp ngành nhựa không ít thì nhiều luôn chịu sự ảnh hưởng của sự biến động giá nguyên vật liệu nhựa. Nguyên vật liệu nhựa các loại đang có xu hướng tăng nhanh trong thời gian gần đây và dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới. Việt Nam hiện nay vẫn là nước nhập khẩu trên 90% nguyên vật liệu nhựa nên nguy cơ bị ảnh hưởng từ sự biến động giá nguyên vật liệu nhựa là không thể tránh khỏi. Và Công ty cũng không là ngoại lệ.
- Trong trường hợp giá của nguyên liệu tăng mạnh trong ngắn hạn do biến động của thị trường thế giới, trong khi giá bán sản phẩm không thể tăng tương ứng sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

14.2 Chỉ Tiêu Kế Hoạch:

ĐVT: VND'000

Chỉ Tiêu	Năm 2010	+ / - so 2009	Năm 2011	+ / - so 2010
Vốn điều lệ	45.000.000	80,00%	45.000.000	0,00%
Doanh thu thuần	245.000.000	50,61%	281.750.000	15,00%
Lợi nhuận sau thuế	4.500.000	7,77%	5.700.000	26,67%
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	1,84%	-28,44%	2,11%	15,00%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	10,00%	-37,23%	11,50%	15,00%
Tỷ lệ trả cổ tức	10,00%	-23,08%	10,00%	0,00%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tốc độ tăng trưởng cao của ngành nhựa từ 20-25% mỗi năm sẽ là một điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tỷ lệ Doanh thu tăng cao, tuy nhiên về lợi nhuận năm 2010 tăng không cao so với những năm trước là do Công ty sẽ tập trung đầu tư máy móc thiết bị mới, mở thêm chi nhánh và mở thêm nhà máy tại Long An. Dự tính năm 2010, khi nhà máy hoàn tất và đi vào hoạt động ổn định sẽ góp phần đáng kể làm tăng doanh số và lợi nhuận cho Công ty trong những năm tiếp theo.

14.3 Kế Hoạch Chiến Lược Thực Hiện Năm 2010-2011:

Sản xuất:

- Đẩy mạnh áp dụng các giải pháp quản lý tiên tiến và các hoạt động nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý sản xuất cùng với việc tiết kiệm các chi phí sản xuất để có được hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời siết chặt việc giữ gìn vệ sinh công nghiệp trong sản xuất với các biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời;
- Thực hiện dự trữ nguyên liệu tồn kho hợp lý nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên liệu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại.

Hệ thống phân phối:

- Đánh giá tổng thể thị trường, phân khúc, lựa chọn công nghệ và sản phẩm phù hợp qua đó tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ ở phía Nam thông qua việc xây dựng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ;
- Đối với thị trường phía Bắc, hệ thống phân phối sẽ thông qua chi nhánh tại Hà Nội. Ngoài ra, Công ty cũng mở rộng nhà máy sản xuất tại phía Bắc nhằm giảm chi phí và thời gian vận chuyển sản phẩm từ nhà máy phía Nam, qua đó sản phẩm nhựa Tân Phú có thể cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác tại khu vực phía Bắc;
- Thông qua nhiều kênh thông tin và áp dụng phương thức kinh doanh trên mạng, Công ty sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu từ khu vực Đông Nam Á ra một số thị trường mới như: Mỹ, Nhật, Đức…

Đầu tư:

- Thực hiện việc đầu tư một cách có chọn lọc, vừa có chiều sâu vừa đảm bảo đồng bộ, kịp thời cho sản xuất và tăng công suất thiết bị. Tập trung đầu tư vào hoàn thiện và nâng cao chất lượng cho một số sản phẩm truyền thống để đủ sức cạnh tranh trên thị trường;
- Tiếp tục đầu tư thêm các máy móc công cụ để chủ động hơn trong sửa chữa và chế tạo khuôn mẫu tại Công ty;
- Bước đầu xây dựng 2 chi nhánh mới để mở rộng thị trường, tìm kiếm sản phẩm mới, đồng thời qua đó sẽ tiến hành nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu về chủng loại, chất lượng sản phẩm để có được sự đầu tư và hướng đi phù hợp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐVT: VND'000

Danh mục	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Máy móc thiết bị	7.080.257	10.000.000	13.794.000
Xây dựng nhà máy	3.655.099	25.000.000	22.000.000
Đất Hà Nội	4.205.548	4.400.000	-
Tổng Cộng	**14.940.905**	**39.400.000**	**35.794.000**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú)

Tài chính:

Nguồn vốn hoạt động là yếu tố quan trọng đối với doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn đầu tư phát triển, chiếm lĩnh thị phần. Để giải quyết nhu cầu vốn trong hiện tại và thực hiện các kế hoạch trong tương lai, Công ty sẽ tập trung vào một số biện pháp thu hút vốn sau:

- Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng và công nợ của từng khách hàng;
- Tính toán và đưa ra mức dự trữ hàng hóa và nguyên vật liệu hợp lý;
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao để tái đầu tư;
- Vay vốn ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư lớn;
- Cân đối nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu một cách hợp lý.

Nhân lực:

- Xây dựng và áp dụng quy chế lương, thưởng phù hợp nhằm khuyến khích người lao động làm việc tốt hơn và đóng góp nhiều hơn cho Công ty
- Thu hút thêm nhân sự có năng lực
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân
- Đào tạo kỹ năng quản lý mới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra nhằm đảm bảo được mức lợi tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp xã Xuân Lâm, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Đối tác: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú ký hợp đồng nhận chuyển nhượng lô đất trên với Công ty TNHH Thương Binh Cao Quý (Tổ 4 - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội)

Hợp đồng: số 25/HĐNT.2008 ngày 17 tháng 01 năm 2008

Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày kể từ ngày được ký kết (bao gồm cả ngày nghỉ lễ và ngày nghỉ cuối tuần)

Trách nhiệm các bên: Công ty TNHH Thương Binh Cao Quý có trách nhiệm san lấp mặt bằng, mở đường nối nội bộ và chuyển giao đầy đủ giấy tờ pháp lý cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú cam kết chi trả:

- 10% giá trị hợp đồng (tương đương 438 triệu đồng) sau khi ký Hợp đồng
- 30% giá trị hợp đồng (tương đương 1.316 triệu đồng) sau khi nhận đủ hồ sơ sang tên lô đất
- 30% giá trị hợp đồng (tương đương 1.316 triệu đồng) sau khi nhận Hợp đồng thuê đất đứng tên Công ty
- 30% giá trị hợp đồng (tương đương 1.316 triệu đồng) sau khi hai bên hoàn thành thủ tục bàn giao mặt bằng.

Hiện Công ty đã chi trả đợt 1 số tiền 438 triệu đồng, tương đương 10% giá trị hợp đồng. So với thời gian thực hiện hợp đồng đến nay đã hết hiệu lực do đó hai bên đang thương thảo ký lại hợp đồng mới để tiếp tục thực hiện hợp đồng mà hai bên chưa thực hiện xong những điều khoản đã ghi trong hợp đồng .

17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIỆN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Chào bán cho các cổ đông hiện hữu**
2. **Loại cổ phiếu**: Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá**: 10.000 đồng
4. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán**: 1.500.000 cổ phiếu
5. **Giá chào bán:** **10.000 đồng/ 1 cổ phần**
6. **Phương pháp tính giá:**

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được căn cứ vào giá thị trường và số lượng cổ phiếu hiện có của Công ty tại thời điểm 31/03/2010.

7. **Phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu:**

- 01 cổ phần được sở hữu tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông tương ứng với một quyền mua cổ phần mới. Cổ đông sở hữu 10 quyền mua sẽ được mua 06 cổ phần phát hành thêm (tỷ lệ 10:6). Cổ đông có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền mua cổ phần phát hành thêm cho đối tượng khác.
- ***Xử lý cổ phiếu lẻ***: đối với số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu mà cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

  Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 177 cổ phần, theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:6, khi đó số lượng cổ phần phát hành thêm ông A được quyền mua: (177/10)x6 = 106,2 cổ phần. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được quyền mua 106 cổ phần.
- Sau khi kết thúc đợt phát hành cho các cổ đông hiện hữu, nếu cổ đông không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu lẻ phát sinh sau khi thực hiện quyền thì toàn bộ số lượng cổ phần còn lại sẽ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối sao cho có lợi nhất cho cổ đông.

8. **Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến**

Đối với phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu: Công ty sẽ phát hành ngay sau khi nhận được Giấy phép chào bán của UBCKNN cấp. Dự kiến trình tự thực hiện như sau:

a. ***Công bố trên phương tiện thông tin đại chúng*** Trong vòng **5 ngày** kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận phát hành của UBCKNN, tổ chức phát hành sẽ tiến hành thông báo về việc phát hành thêm trên 03 (ba) số báo ngày liên tiếp của một tờ Báo Trung Ương hoặc một tờ Báo Địa phương theo quy định.

b. ***Chào bán cho các đối tượng:***

- Xác định danh sách sở hữu cuối cùng: Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và gửi Thông báo đề nghị Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TTLK Chứng khoán Việt Nam phối hợp xác định ngày giao dịch không hưởng quyền mua, lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Tối thiểu **10 ngày** làm việc từ khi gửi thông báo.

- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong thời hạn từ **05 – 10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được Danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, TTLK chứng khoán Việt Nam phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phần đến các thành viên lưu ký, các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu.

- Đăng ký thực hiện quyền mua và nộp tiền mua cổ phần: Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phần do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TTLK Việt Nam cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành. Đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành.

  Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần trong vòng **20 ngày** kể từ ngày nhận được Danh sách phân bổ quyền ưu tiên mua trước cổ phần.

- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Quyền mua được thực hiện chuyển nhượng kể từ ngày thông báo Danh sách phân bổ quyền thông qua thành viên lưu ký và kết thúc **trước 2 ngày** làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền.

  Các cổ đông chưa lưu ký, hoặc việc chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.

- Tổng hợp thực hiện quyền mua: Trong vòng **05 ngày** làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, các thành viên lưu ký lập và gửi Sở Giao dịch Chứng

khoán Hà Nội, TTLK Hà Nội báo cáo thực hiện quyền.

- Báo cáo kết quả phát hành: Trong vòng **10 ngày** kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành sẽ lập báo cáo phát hành gửi UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TTLK Việt Nam đồng thời hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung chứng khoán phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và phối hợp cùng Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, TTLK chứng khoán Việt Nam gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp phép niêm yết bổ sung và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm: Trong vòng **05 ngày** làm việc sau khi được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu, tổ chức niêm yết phải nộp phí quản lý niêm yết bổ sung cho Sở Giao dịch theo quy định hiện hành và thực hiện đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu niêm yết bổ sung (ngày đăng ký không được vượt quá 30 ngày kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết bổ sung)

Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận Giấy phép pháp hành của UBCKNN	Ngày T
2	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 5
3	Chốt danh sách sở hữu cuối cùng	T + 15
4	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần	T + 25
5	Cổ đông đăng ký nộp tiền mua cổ phần	T + 25 - T + 45
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	T + 25 – T + 43
7	Tổng hợp thực hiện quyền	T + 45 – T+50
8	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T + 51 – T + 60
9	Sở GDCK cấp giấy phép niêm yết bổ sung	**T'** = T + 70 – T+90
10	Cổ phiếu chính thức giao dịch	**T'** – **T'** + 30

(T=Ngày làm việc)

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ Tướng Chính Phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Tính theo danh sách chốt ngày 18/3/2010, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu là 13.825 cổ phần chiếm gần 0,6% tổng số cổ phần Công ty.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Không

11. Các loại thuế có liên quan:

Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Theo Nghị định này, thu nhập từ lợi tức cổ phần, chuyển nhượng chứng khoán sẽ áp dụng mức thuế 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa tiền mua cổ phiếu:

13010000 622386 - Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam SGD II TP.HCM

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện dự án di dời địa điểm sản xuất và đầu tư máy móc, thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Đức Hòa – Long An.

- Địa điểm di dời : Lô C16, cụm Công nghiệp nhựa Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
- Diện tích : 14.648 m^2
- ***Mục tiêu dự án***

- Thực hiện tốt chủ trương quy hoạch của Thành phố theo phương hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 được Chính Phủ phê duyệt ngày 12/07/97, trong đó định hướng di dời các doanh nghiệp ngành nhựa ra khỏi khu vực nội thành;
- Xây dựng được mặt bằng và các cơ sở hạ tầng cần thiết đúng theo tiêu chuẩn của Nhà nước để có thể mở rộng quy mô sản xuất và bảo đảm an toàn lao động.

Hiện nay, với mặt bằng chỉ khoảng 5.800 m^2 nằm trong khu dân cư, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn về diện tích sản xuất, phòng cháy chữa cháy và độ thông thoáng cần thiết để đảm bảo môi trường làm việc. Do đó Công ty đã phải thuê thêm kho chứa sản phẩm bên ngoài.

Vị trí nhà máy và kho hàng nằm ngay trong nội đô khiến cho việc nhập nguyên liệu và xuất hàng gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 2389/QĐ-UB ngày 27/06/03 của Chủ tịch UBND Tp.HCM quy định xe có tổng trọng tải từ 5 tấn trở lên chỉ được lưu thông từ 21h hôm trước đến 6h sáng hôm sau trong khu vực nội đô Thành phố.

- Có điều kiện tập trung sản xuất, giảm các chi phí quản lý và điều hành, giảm giá thành và tăng tính cạnh tranh của sản phẩm

Sản phẩm của Công ty hiện nay được các đơn vị sản xuất như Công ty Bia rượu và nước giải khát Sài Gòn, Samiguel, Coca-Cola, Pepsi, Map Pacific, các công ty sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, các công ty nước khoáng (AB, Bình An, …), … bao tiêu sản phẩm. Dự án tạo cơ hội cho Công ty phát triển sản xuất, đầu tư thêm máy móc, thiết bị để tăng năng suất, tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm.

- ***Hiệu quả kinh tế***

7.1 Nhu cầu vốn:

Tổng vốn đầu tư dự kiến: 83.087.315.000 đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư mới: 59.050.000.000 đồng, gồm:
  - * Vốn đầu tư xây dựng mới tại Khu Công nghiệp 44 tỷ đồng
  - * Chi phí giao đất, san lấp 6,9 tỷ đồng
  - * Chi phí xây dựng cơ bản khác 3,4 tỷ đồng
  - * Chi phí dự phòng 4,75 tỷ đồng
- Thiết bị máy móc di dời về nhà máy tại Long An: 24.037.314.917 đồng.

Nguồn vốn: 59.050.000.000 đồng, trong đó:

- Vay ngân hàng: 41.500.000.000 đồng.
- Vốn tự bổ sung: 17.550.000.000 đồng.

Nguồn đảm bảo vốn tự bổ sung: (đơn vị tính: đồng)

- Tổng nhu cầu vốn tự bổ sung: 17.550.000.000
- Vốn đầu tư đã thực hiện (chi phí giao đất, san lấp): (6.900.000.000)
- Nhu cầu vốn tự bổ sung: 10.650.000.000

7.2 Hiệu quả của dự án:

Thời gian hoàn vốn đầu tư	: 8 năm 6 tháng	
Tỷ suất thu hồi nội bộ (IRR)	: 27,7%	
Điểm hòa vốn	: Tổng doanh thu	: 247,5 tỷ đồng
	Tổng chi phí	: 240,3 tỷ đồng
	Mức hoạt động hòa vốn	: 81,16%
Sản lượng dự kiến	: tăng 14% - 18%/ năm	

- ***Kế hoạch tài trợ vốn cho dự án từ việc chào bán:***
  - ✓ Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009 thì Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược có tổng mệnh giá cổ phiếu phát hành là 20.000.000.000 đồng trong đó: Phát hành cho cổ đông hiện hữu 5.000.000.000 đồng và phát hành cho đối tác chiến lược là 15.000.000.000 đồng, tuy nhiên đến thời điểm thực hiện Công ty không thể phát hành cho đối tác chiến lược với số tiền theo mệnh giá là 15.000.000.000 đồng do Công ty chưa tìm được nhà đầu tư phù hợp. Vì vậy đợt phát hành năm 2009 chỉ phát hành cho cổ đông hiện hữu thành công với tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 5.000.000.000 đồng.
  - ✓ Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010 thì Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú đã xin cổ đông hủy phương án phát hành cho đối tác chiến lược có tổng giá trị theo mệnh giá là 15.000.000.00 đồng, đồng thời ĐHĐCĐ cũng thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu là 15.000.000.000 đồng mệnh giá (Xem phần V) và 5.000.000.000 đồng mệnh giá cho đối tác chiến lược.
  - ✓ Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu trong năm 2009 là 5.000.000.000 đồng đã được sử dụng vào đầu tư dự án tại nhà máy Long An.
- ***Các giấy tờ pháp lý và tiến độ thực hiện dự án:***
  - ✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 14.648 m2 tại Long An;
  - ✓ Giấy phép đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất;
  - ✓ Giấy phép xây dựng nhà máy tại Long An;
  - ✓ Hiện nay Công ty đã thực hiện xong việc san lấp mặt bằng và tiến hành thi công phần nền móng. Dự kiến đầu năm 2011 nhà máy sẽ đi vào hoạt đông.

Dự kiến hiệu quả kinh tế của dự án:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

LÃI LỖ ĐẦU TƯ	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10
Tổng doanh thu	149.419.439	168.096.869	191.630.431	216.542.386	247.507.948	282.159.060	320.250.534	363.484.356	412.554.744	468.249.634
Tổng chi phí sản xuất	147.112.526	165.508.909	186.991.936	211.587.167	240.349.385	272.623.819	309.521.254	351.688.910	399.864.617	454.889.503
Lợi nhuận trước thuế	2.306.913	2.587.960	4.638.495	4.955.219	7.158.563	9.535.241	10.729.280	11.795.446	12.690.127	13.360.131
Thuế thu nhập 25%			579.812	619.402	1.789.641	2.383.810	2.682.320	2.948.862	3.172.532	3.340.033
Lợi nhuận thuần	2.306.913	2.587.960	4.058.683	4.335.817	5.368.922	7.151.431	8.046.960	8.846.585	9.517.595	10.020.098
Lợi nhuận lũy kế	2.306.913	4.894.873	8.953.556	13.289.373	18.658.295	25.809.726	33.856.686	42.703.270	52.220.866	62.240.964
Các chỉ số tài chính										
Vòng quay vốn lưu động	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Lợi nhuận thuần/Doanh thu	1,5%	1,5%	2,1%	2,0%	2,2%	2,5%	2,5%	2,4%	2,3%	2,1%
Lợi nhuận lũy kế/vốn đầu tư lũy kế	2,4%	4,8%	8,4%	11,7%	15,4%	19,9%	24,3%	28,5%	32,2%	35,3%

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Nội dung	Số lượng phát hành dự kiến (cổ phần)	Giá phát hành dự kiến(đồng)	Thành tiền (đồng)
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	1.500.000	10.000	15.000.000.000

Nguồn vốn huy động dự kiến sẽ được sử dụng để đầu tư máy móc, thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Đức Hòa – Long An *(chi tiết dự án xin xem ở phần V)* và chuyển quyền thuê 14.000 m2 đất và xây dựng nhà xưởng tại phía Bắc:

1. Vốn huy động đầu tư vào máy móc, thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Đức Hòa – Long An là 80% tổng số tiền dự kiến thu được : 80%x15.000.000.000 = 12.000.000.000 đồng. Số tiền dư ra từ việc phát hành so với nhu cầu vốn tự có trong phương án khả thi đầu tư máy móc, thiết bị và xây dựng nhà xưởng tại Đức Hòa – Long An sẽ được dùng để cơ cấu lại nợ vay tài trợ cho dự án.
2. Vốn huy động dùng để chuyển quyền thuê đất và xây nhà xưởng tại phía Bắc là 20% tổng số tiền dự kiến thu được : 20%x15.000.000.000 = 3.000.000.000 đồng. Ngoài nguồn tài trợ vốn từ đợt phát hành này, Công ty cũng có kế hoạch phát hành riêng lẻ để bổ sung thêm nguồn vốn tự có nhằm thực hiện việc chuyển giao quyền sử dụng đất tại phía Bắc.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

8.1 TỔ CHỨC CHÀO BÁN – CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN PHÚ

Trụ sở chính:	314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM
Điện thoại:	(84 8 3) 860.9003
Fax:	(84 8 3) 860.7622

8.2 TỔ CHỨC KIỂM TOÁN – CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Trụ sở chính:	Tòa nhà Indochina Park Tower, Số 4 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Tầng 2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.		
Điện thoại:	(848) 22200237	Fax:	(848) 22200265

8.3 TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính:	67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại:	(84 8 3) 914.3588
Fax:	(84 8 3) 914.3209
Chi nhánh Hà Nội:	18 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	(84 4) 6 262 6999
Fax:	(84 4) 6 278 2688

9 PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2008, 2009 và báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2010
4. **Phụ lục IV:** Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2010

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
NGUYỄN VĂN HÙNG	TRẦN HỒNG PHONG
TỔNG GIÁM ĐỐC	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
NGÔ ĐỨC TRUNG	THƯỢNG THỊ NGỌC TUYẾT